



EVNPECC2
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

**Báo cáo
Thường niên**

2015

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP



EVNPECC2

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
Tên tiếng Anh:	POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 2
Tên viết tắt	PECC2
Logo Công ty	
Giấy đăng ký kinh doanh số:	0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/10/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/12/2013
Vốn điều lệ:	44.390.000.000 VNĐ
Địa chỉ:	32 Ngô Thời Nhiệm, P.7, Q.3, TP HCM
Điện thoại:	(84.8) 222 11 057 Fax: (84.8) 222 10 408
Website:	http://www.pecc2.com
Mã chứng khoán:	TV2

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1981, thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc xây dựng công trình nguồn điện đầu tiên ở phía Nam kể từ sau ngày thống nhất đất nước, các kỹ sư, công nhân của Bộ Năng lượng (chủ yếu là lực lượng đang tham gia xây dựng công trình thủy điện Hòa Bình) đã được điều động vào Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện nhiệm vụ triển khai công tác khảo sát và các bước nghiên cứu, thiết kế chuẩn bị khởi công xây dựng thủy điện Trị An, công trình trọng điểm của Quốc gia. Đó chính là sự ra đời của Công ty Khảo sát Thiết kế Điện 2 (PIDC2), một đơn vị trực thuộc Bộ Năng lượng, vào ngày 01 tháng 7 năm 1985.



*Nhà máy Thủy điện Trị An
mở đầu cho thời kỳ phát triển nguồn điện
phía Nam*

Ngày 11/01/1999, Công ty được đổi tên thành Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2) theo Quyết định số 02/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Từ ngày 01/11/2007, Công ty đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2), trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nắm giữ 51,26% cổ phần.

Từ ngày 13/10/2009, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2) đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.



✚ Với những thành tích đã đạt được, Công ty đã được trao tặng:



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC
LẬP HẠNG BA – NĂM 2005



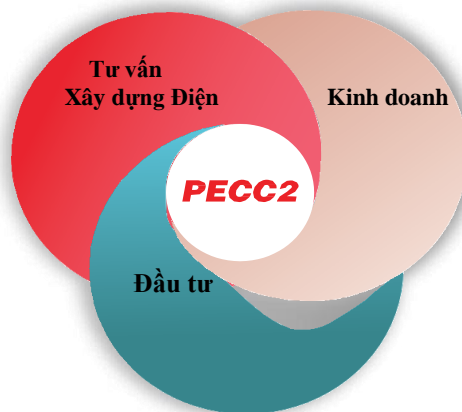
HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG NHÌ – NĂM 2010



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC
LẬP HẠNG NHẤT – NĂM
2015

và nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ, chính quyền địa phương và Huân chương Lao động cho các đơn vị thành viên và cá nhân.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng các công trình nguồn điện, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng. Quản lý dự án và thi công xây dựng công trình điện lực, công nghiệp, dân dụng. Tư vấn quản lý dự án. Đo vẽ địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, địa vật lý, thí nghiệm cơ lý đất đá, cát, cuội, sỏi, nước ngầm, vật liệu xây dựng. Dịch vụ đo vẽ bản đồ địa hình, địa chất; khảo sát, điều tra tác động môi trường, bồi thường, tái định canh, định cư các dự án đầu tư xây dựng. Khảo sát địa hình xây dựng công trình. Khảo sát đo đạc địa hình xây dựng công trình. Khảo sát địa chất công trình, thi công phần nền móng công trình. Thiết kế điện cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế). Thiết kế xây dựng công trình điện. Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thiết kế phần thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi.

Thiết kế xây dựng công trình thủy điện. Giám sát lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình. Thiết kế phần thủy văn các công trình thủy lợi, thủy điện. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp và mỏ. Giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ. Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải. Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình. Tư vấn đầu tư. Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Đo đạc bản đồ địa hình, địa chính. Xây dựng cảng đường thủy. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông đường thủy. Giám sát công tác lắp đặt hệ thống xử lý chất thải công trình dân dụng – công nghiệp. Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng – công nghiệp. Thiết kế kết cấu công trình đường dây và trạm. Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình đường dây và trạm. Thẩm tra thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế). Thiết kế cơ điện, nhiệt lạnh công trình xây dựng. Thiết kế kết cấu công trình cảng, đường thủy. Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình cảng, đường thủy. Thẩm tra thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện. Đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, viễn thông, công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông, công trình ngầm, cơ sở hạ tầng. Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng. Xây lắp đường dây và trạm điện từ 35 KV trở xuống, nhà máy thủy điện nhỏ.

- Chuẩn bị mặt bằng

Chi tiết: Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường. Nhận thầu khai thác, tinh chế, lọc nước phục vụ sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tư vấn về môi trường. Tư vấn giải pháp công nghệ sản xuất sạch hơn, thiết lập cơ chế phát triển sạch.

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại Thành Phố Hồ Chí Minh).

- Hoạt động thể thao khác.

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Chi tiết: Chế tạo thiết bị cơ khí (không sản xuất tại trụ sở công ty). Mạ kẽm nhúng nóng cột điện thép, phụ kiện điện và các sản phẩm kim loại (không sản xuất tại trụ sở công ty).

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Chi tiết: Mua bán vật tư thiết bị xây dựng. Xuất khẩu, nhập khẩu vật tư thiết

bị xây dựng.

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng công trình và các dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phụt chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng. Hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị điện lực, công nghiệp và dân dụng. Xuất khẩu, nhập khẩu máy móc, thiết bị điện lực, công nghiệp và dân dụng

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng.

- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại

Chi tiết: Sản xuất phụ kiện, dụng cụ chuyên ngành điện, gia công chế tạo cột điện các loại, cột ăng ten viễn thông (không sản xuất tại trụ sở công ty).

- Sản xuất thiết bị điện khác

Chi tiết: Sản xuất phụ kiện điện, các dụng cụ chuyên ngành điện (không sản xuất tại trụ sở công ty).

- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ).

- Hoạt động của các cơ sở thể thao

- *Chi tiết:* Sân vận động bóng đá, sân cầu lông, sân bóng bàn, sân bóng chuyền, sân tennis.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

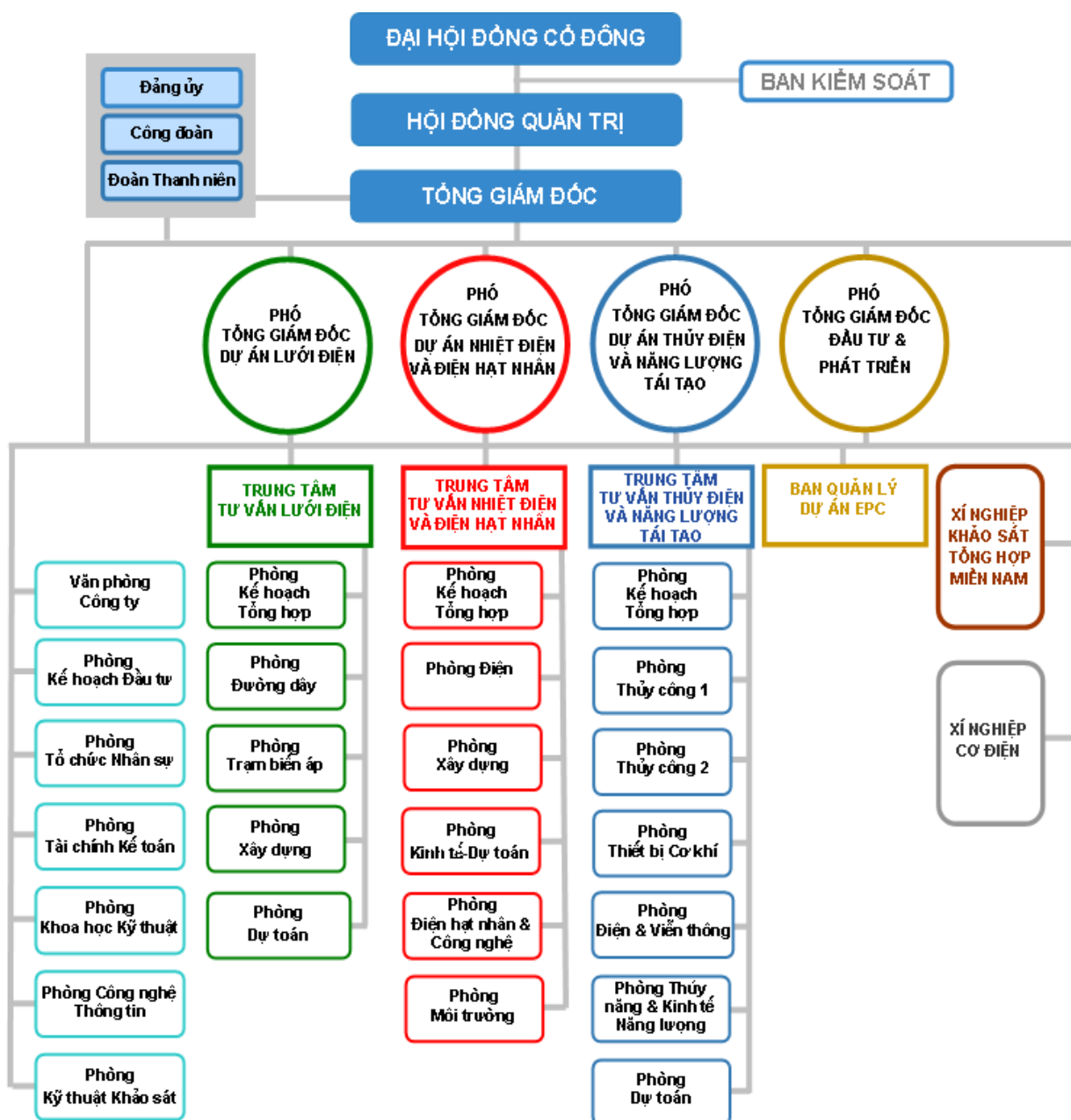
Địa bàn hoạt động của Công ty không những chỉ ở các dự án khắp mọi miền trong cả nước mà còn vươn ra các nước trong khu vực như Campuchia, Lào.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

✚ Mô hình quản trị

Với đặc thù là một đơn vị tư vấn, mô hình quản trị, tổ chức sản xuất được mô tả theo sơ đồ dưới đây:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



✚ Cơ cấu bộ máy quản lý

Là một công ty cổ phần, cùng với việc tuân thủ các quy định về pháp luật của Nhà nước, cần phải thực hiện nghiêm túc các điều khoản trong Điều lệ của Công ty, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 có cơ cấu bộ máy quản lý như sau:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc.

✚ Các đơn vị trong Công ty



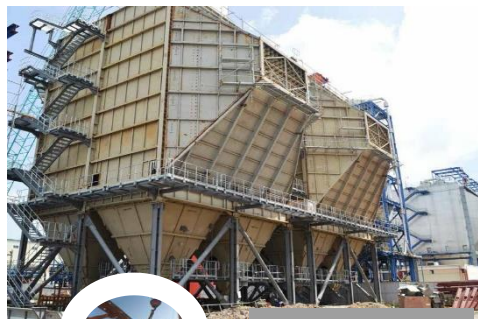
TRUNG TÂM TƯ VẤN NHIỆT ĐIỆN VÀ ĐIỆN HẠT NHÂN



TRUNG TÂM TƯ VẤN LƯỚI ĐIỆN



TRUNG TÂM TƯ VẤN THỦY ĐIỆN VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO



XÍ NGHIỆP CƠ ĐIỆN

Số 45, đường số 2, Kp 8, P.Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, TPHCM

ĐT: (84 8) 22180 922; (84 8) 37311 406

Fax: (84 8) 38966 777

Email: xncd@pecc2.com



XÍ NGHIỆP KHẢO SÁT TỔNG HỢP MIỀN NAM

Số 45 đường Dân Chủ, P.Bình Thọ,
Q. Thủ Đức, TPHCM

ĐT: (84 8) 38965 279 Fax: (84 8) 38960 045

Email: xnks@pecc2.com

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Tầm nhìn

TV2 là một thương hiệu mạnh về tư vấn năng lượng trong khu vực, định hướng khách hàng, có nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ thống quản lý hiện đại, không ngừng phát triển về quy mô và lĩnh vực hoạt động.

Sứ mệnh

1. Cung cấp cho khách hàng dịch vụ và sản phẩm có chất lượng tốt nhất, phù hợp với các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế;
2. Hợp tác hiệu quả với các đối tác tin cậy, liên tục gia tăng giá trị công ty, lợi ích cổ đông và thu nhập của người lao động;
3. Luôn cải tiến quy trình sản xuất và quản lý, hiện đại hóa công nghệ để đáp ứng thách thức trong môi trường ngày càng cạnh tranh;
4. Đào tạo, huấn luyện, bổ sung và nâng cao năng lực của đội ngũ người lao động, xây dựng hệ thống đãi ngộ hợp lý để duy trì và phát triển nguồn nhân lực;
5. Bảo vệ và gia tăng lợi ích chung cho cộng đồng và xã hội.

PHƯƠNG CHÂM LÀM VIỆC

VỚI KHÁCH HÀNG

Cam kết luôn đồng hành cùng thành công của dự án, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 lấy việc thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về tiến độ và chất lượng của dịch vụ mà mình cung cấp làm mục tiêu quan trọng hàng đầu, xem sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng là thành công của chính Công ty.

VỚI CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Tạo điều kiện và khuyến khích tính năng động, sáng tạo của cá nhân, xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, tập thể và tạo sự gắn bó giữa cán bộ công nhân viên với Công ty, phấn đấu nâng cao thu nhập cho người lao động trên cơ sở đánh giá đúng năng lực và hiệu quả công việc của mỗi người, xây dựng tinh thần hợp tác, đoàn kết là động lực để Công ty không ngừng phát triển.

VỚI CỔ ĐÔNG

Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong cung cấp thông tin tới các cổ đông; đảm bảo quyền lợi và lợi ích, phấn đấu nâng cao hiệu quả đầu tư và cổ tức cho cổ đông.

VỚI ĐỐI TÁC

Tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ hợp tác, bình đẳng trên nguyên tắc tôn trọng, cạnh tranh lành mạnh vì lợi ích của cộng đồng, khách hàng và của Công ty.

VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Chấp hành luật pháp, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chú trọng đến các hoạt động mang tính xã hội thiết thực và nhân đạo, với phương châm chung tay vì sự phát triển cộng đồng.



✚ Mục tiêu của Công ty

Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề hợp pháp khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho Người lao động, các Cổ đông, Công ty và xã hội.

Không ngừng nâng cao năng lực, khảo sát, thiết kế, giám sát và quản lý xây dựng các công trình đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ và cam kết theo hợp đồng thỏa mãn yêu cầu của khách hàng; Phân đầu thành một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn xây dựng và đầu tư các công trình điện và công nghiệp.

✚ Tình hình hoạt động

Trải qua hơn 30 năm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát thiết kế và giám sát xây dựng các công trình nguồn và lưới điện, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 đã trưởng thành vượt bậc với quy mô lớn mạnh về năng lực tư vấn, nguồn nhân lực và các phương tiện chuyên dụng.

Sự vươn lên không ngừng và thành quả đạt được của Công ty gắn liền với hàng chục công trình nguồn điện (nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và hàng trăm công trình lưới điện (đường dây tải điện và trạm biến áp) đã được đưa vào vận hành, đang thi công và đang chuẩn bị khởi công xây dựng. Trong đó, các công trình tiêu biểu là thủy điện Trị An, Thác Mơ, Hàm Thuận – Đa Mi, Srokphumiêng, Đại Ninh, A Vương, Buôn Kuốp, Srêpok 3, Đồng Nai 3 & 4, ĐakMi 4, thủy điện tích năng Đơn Dương, ĐakTi'h, Hạ Sê San 1/5; các công trình nhiệt điện tại Trung tâm Điện lực Phú Mỹ, Ô Môn, Cà Mau, Nhơn Trạch, Vĩnh Tân, Duyên Hải, Sơn Mỹ, Kiên Lương, Mông Dương 2, Sông Hậu 1, 2; đường dây 500kV Phú Mỹ - Nhà Bè – Phú Lâm, 500kV Bắc Nam mạch 1 và 2, 500kV Sơn La - Hiệp Hòa, cáp ngầm 220kV Nhà Bè – Tao Đàn; cáp ngầm xuyên biển Hà Tiên-Phú Quốc, TBA 500/220kV Nhà Bè, TBA 500kV Tân Định, TBA 500kV Ô Môn, trạm GIS Tao Đàn, v.v... Đặc biệt nhằm đáp ứng nhu cầu điện trong giai đoạn tới, TV2 đã cung cấp dịch vụ khảo sát và tư vấn cho Nhà máy thủy điện hạt nhân Ninh thuận 1 và Ninh Thuận 2.



NMNĐ Duyên Hải 1, một trong những công trình cấp bách Thủ tướng giao cho ngành Điện VN, TV2 làm tư vấn chính đầu tiên thực hiện từ GĐ triển khai dự án tới GĐ thi công



Đập tràn piano do TV2 thiết kế, công trình thủy điện Đak Mì 4B



Thủy điện Đồng Nai 5



NMNĐ Ô Môn (2x330MW), TV2 phối hợp với TEPCO làm tư vấn chính



NMNĐ Phú Mỹ 1 (1090MW), đánh dấu bước trưởng thành về năng lực tư vấn



Toàn cảnh Vinh Tân 4, khu vực Nhà máy chính đang thi công, TV2 là thành viên của Tổ hợp nhà thầu EPC



Trạm biến áp 500 KV Nhà Bè



Đường dây 500kV Pleiku – Mỹ Phước – Cầu Bông

Phạm vi, loại hình và chất lượng dịch vụ của TV2 cũng không ngừng được nỗ lực mở rộng và nâng cao, với các dự án EPC, PMC, các dự án điện hạt nhân, thủy điện tích năng, lưới điện thông minh, năng lượng tái tạo, ứng dụng công nghệ mới trong khảo sát và thiết kế.

Vươn lên cùng với sự phát triển không ngừng của ngành điện trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, TV2 luôn nỗ lực chinh phục từng vận hội, khẳng định một thương hiệu Việt uy tín trên các công trình Điện trong nước và khu vực.

Slogan “Giải pháp trí tuệ, Thành công bền vững” đã đúc kết quá trình bền bỉ, đoàn kết lao động, sáng tạo và phát triển của tập thể Tư vấn Điện 2. Từ chỗ

chỉ là tư vấn phụ của tư vấn nước ngoài cho các dự án điện tại Việt Nam, TV2 đã từng bước trưởng thành làm tư vấn chính cho thiết kế xây dựng hàng loạt công trình. Uy tín của TV2 dần được khẳng định nhờ tinh thần năng động tiếp thu, tiên phong ứng dụng công nghệ hiện đại, đổi mới phương thức làm việc, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Sự hợp tác tích cực với các công ty, tổ chức tư vấn nước ngoài cũng đã góp phần nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp của TV2 qua từng dự án.

Là đơn vị tư vấn, lợi thế của Công ty là nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, máy móc thiết bị hiện đại, phương pháp quản lý và làm việc đang từng bước được chuyên nghiệp hóa. Trong từng lĩnh vực hoạt động, Công ty đều có các chuyên gia kỹ thuật giàu kinh nghiệm đảm nhận chức danh Chủ nhiệm đồ án, thể hiện tính chuyên nghiệp và trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng ngoại ngữ, tin học và năng lực điều hành quản lý dự án.

Cùng với chính sách mở cửa và đa dạng hóa các nhà đầu tư vào ngành điện, ngoài khách hàng chính là các đơn vị thuộc EVN, Công ty đã và đang thực hiện dịch vụ tư vấn cho nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, như PV, TKV, IDICO, GCC1, CSG, v.v...

Tính chuyên nghiệp, trình độ và kinh nghiệm của Công ty còn được tích lũy thông qua sự hợp tác có hiệu quả với các cơ quan tư vấn nước ngoài của Mỹ, Canada, Thụy Điển, Pháp, Thụy Sĩ, Ailen, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Úc, Nga, v.v.... Công ty đã đóng vai trò cầu nối giữa thị trường dự án điện trong nước với các công ty tư vấn, nhà cung cấp thiết bị điện và các tổ chức tài chính quốc tế.

Định hướng phát triển

Từng bước xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp và đảm bảo mọi yêu cầu của khách hàng về tiến độ và chất lượng của dịch vụ và luôn đồng hành cùng sự thành công của dự án chính là sứ mệnh mà Công ty luôn phấn đấu. Chiến lược này cũng là mục tiêu và chính sách chất lượng của Công ty trong Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.

Ngoài lĩnh vực hoạt động chính là dịch vụ tư vấn, với lợi thế về địa điểm và đất đai cũng như kinh nghiệm lựa chọn dự án, Công ty đã và đang nghiên cứu để phát triển thêm dịch vụ và đầu tư nhằm mục đích nâng cao thu nhập của người lao động và gia tăng lợi ích của cổ đông.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9001:2008

HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ISO 14001:2004

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn nhằm thỏa mãn các nhu cầu của khách hàng, TV2 đã xây dựng và đưa vào áp dụng thành công Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

Hệ thống Quản lý chất lượng của Công ty đã được tổ chức BVQI chứng nhận từ năm 2002 và đã được Quacert tái chứng nhận vào các năm 2005, 2008 và 2012. Hệ thống gồm gần 30 quy trình tài liệu, chi phối mọi lĩnh vực hoạt động khảo sát và thiết kế của Công ty, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn về trách nhiệm của lãnh đạo, về quản lý nguồn lực, về các quá trình hình thành sản phẩm, về đo lường, phân tích và cải tiến.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO của TV2 thường xuyên được cải tiến và được đánh giá giám sát hàng năm. Qua 10 năm vận hành, hệ thống ISO này đã phát huy tác dụng, góp phần không ngừng nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ do TV2 cung cấp.

Từ tháng 2 năm 2014, TV2 chính thức được TUV NORD cấp chứng chỉ và đưa vào vận hành Hệ thống Quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004.

Tất cả hoạt động sản xuất và kinh doanh của TV2 luôn tuân thủ các quy định an toàn lao động và các quy định của ISO 14001 về môi trường.



CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Với mong muốn vươn lên thành một thương hiệu mạnh về tư vấn năng lượng trong khu vực, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 cam kết:

Thường xuyên cập nhật và cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực hoạt động nhằm phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về chất lượng, tạo sự đồng nhất về chất lượng của mọi sản phẩm, dịch vụ và giải pháp mà chúng tôi cung cấp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng.



CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 cam kết: trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn thân thiện với môi trường, giảm tiêu hao tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm, đảm bảo phù hợp với các yêu cầu pháp luật và yêu cầu khác về môi trường; không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng môi trường làm việc, áp dụng công nghệ mới tiên tiến thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất.

CÁC RỦI RO

Công ty luôn đặt Quản trị rủi ro lên hàng đầu, thông qua việc nhận định đánh giá những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự tác động của các rủi ro sau đây:

Rủi ro về kinh tế

Năm 2015, mặc dù nền kinh tế được đánh giá là một năm khả quan, tình hình kinh tế đã dần đi vào ổn định, tăng trưởng kinh tế đạt 6,68% vượt chỉ tiêu 6,2% đề ra từ đầu năm và đạt cao nhất trong vòng 5 năm qua. Hiệp định Thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã được thông qua tháng 10/2015 và cộng đồng kinh tế ASEAN chính thức được thành lập ngày 31/12/2015 đã mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh đó, kinh tế nước ta cũng chịu ảnh hưởng nhất định do diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới Tuy nhiên, dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 sẽ đạt 6,9%, với nền kinh tế khôi phục dần, cùng với nhiều chính sách hỗ trợ của Chính phủ sẽ giúp cho Doanh nghiệp trong nước có cơ hội hoạt động kinh doanh tốt hơn.

Rủi ro về pháp lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật chứng khoán, Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp..... Tuy nhiên sự thay đổi của Luật và các bản hướng dẫn thi hành và biến động của thị trường chứng khoán ít nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Và khả năng nắm vững các yêu cầu pháp lý (luật, nghị định...) liên quan đến công tác đầu tư xây dựng chưa cao. Điều này đòi hỏi Công ty phải luôn chú trọng đến việc nghiên cứu, cập nhật và phổ biến các quy định mới của Pháp luật từ đó xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng các quy định hạn chế đến mức thấp nhất các biến động của sự điều chỉnh pháp lý.

Rủi ro về nguồn nhân lực

Đối với những hoạt động trong lĩnh vực tư vấn nói chung và tư vấn điện nói riêng, rủi ro về nhân lực, chảy máu chất xám là một trong những rủi ro quan trọng đối với những doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Khi gia nhập nền kinh tế thế giới với những nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu sẽ tham gia vào thị trường tư vấn điện tại Việt Nam với những lợi thế về trình độ nhân sự, có kinh nghiệm trong những công trình lớn với công nghệ tiên tiến. Do đó, công ty luôn chú trọng đến chính sách thu hút, đãi ngộ, đào tạo cán bộ để duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao.

Rủi ro về chiếm dụng vốn

Rủi ro quan trọng nhất đối với các Công ty là đơn vị tư vấn, khảo sát, thiết kế là còn khoản nợ từ các dự án. Các công ty phải chịu rủi ro về chiếm dụng vốn của các Chủ đầu tư chưa sắp xếp được vốn cho các dự án hoặc thanh toán chậm. Để giảm thiểu các rủi ro này, công ty thường xuyên đưa ra các kế hoạch làm việc với đối tác, thảo luận các biện pháp đảm bảo tiến độ dự án để tránh việc thanh toán còn tồn đọng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Năm 2015, nền kinh tế trong nước có nhiều chuyển biến tích cực cùng với các giải pháp và quyết tâm của Chính phủ trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

Công ty tiếp tục triển khai nhiệm vụ tư vấn tại các dự án nguồn và lưới điện cấp bách đảm bảo cung ứng điện cho khu vực miền Nam của ngành Điện lực Việt Nam. Nhiệm vụ chính là vẫn là tập trung vào các lĩnh vực hoạt động truyền thống.

Tuy nhiên, trong năm 2015 hoạt động sản xuất kinh doanh của TV2 vẫn còn nhiều khó khăn, hầu hết khách hàng trong nước đều thiếu vốn đầu tư, chậm thanh toán. Việc tìm các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cũng như việc tìm kiếm công ăn việc làm trong thị trường cạnh tranh khốc liệt, gặp nhiều khó khăn, thì việc nghiệm thu thanh toán và thu hồi công nợ còn khó khăn hơn nhiều.

Trong điều kiện khó khăn đó, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo và cùng với Ban Điều hành Công ty bám sát nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Điều hành, sự phấn đấu nỗ lực và sự đoàn kết, quyết tâm, với tinh thần làm việc chủ động, sáng tạo của tập thể người lao động Công ty, cộng với sự giúp đỡ, quan tâm, hỗ trợ tạo điều kiện của các Bộ, Ngành chức năng, đặc biệt là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Đồng thời có sự phối hợp, giúp đỡ của các chủ đầu tư nên các sản phẩm của Công ty đã chiếm ưu thế về thương hiệu và chất lượng, được các Chủ đầu tư trong và ngoài EVN tin tưởng giao thực hiện, đặc biệt là các chủ đầu tư nước ngoài đầu tư vào các dự án điện tại Việt Nam. Hoạt động SXKD năm 2015 của Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã giao cho, cụ thể các chỉ tiêu như sau:

Tổng tổng doanh thu thực hiện năm 2015 đạt 730,529 tỷ đồng, đạt 107% so với kế hoạch và tăng 155% so với năm 2014;

Lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt 73,367 tỷ đồng, đạt 209% so với kế hoạch và tăng 159% so với năm 2014;

Mức chi trả cổ tức năm 2015 là 25%.

Ngoài ra, các chỉ tiêu tài chính: lợi nhuận, cổ tức, thu nhập của người lao động đều hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao thực hiện.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới thiệu Ban Quản trị

Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ II (2012-2017)



Ông: Nguyễn Chơn Hùng

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - ĐH Griggs (Hoa Kỳ)

Quá trình công tác:

Từ 01/01/1996 đến 01/01/2004: Kỹ sư thiết kế - Phòng thiết kế Nhiệt điện – TV2;

Từ 01/01/2004-31/5/2006: Tổ trưởng tổ cơ nhiệt – TV2;

Từ 01/6/2006- 01/01/2007: Phó Trưởng phòng Thiết kế Nhiệt điện – TV2;

Từ 16/11/2007 đến 30/4/2010: Phó Trưởng Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện kiêm Trưởng phòng công nghệ - TV2;

Từ 01/05/2010 đến 01/6/2014: Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện – TV2;

Từ 01/01/2012 – 10/10/2013: Phó Tổng Giám đốc TV2;

Từ 11/10/2013 – 17/4/2015: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc TV2;

Từ 17/4/2015 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – TV2.



Ông: Ninh Việt Định

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ năm 1984 đến 1989: Công tác tại Ban Quản lý Dự án Thủy điện Trị An;

Từ năm 1989 đến năm 1999: Công tác tại Ban Quản lý Dự án Thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi;

Từ năm 1999 đến nay: Công tác tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Từ 28/6/2012: Thành viên HĐQT – TV2.

Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ II (2012-2017) tiếp theo



Ông: Nguyễn Trọng Nam

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ tháng 01/6/1990 đến 28/2/1998: Kỹ sư Phòng đường dây – TV2;

Từ 01/03/1998 đến 31/08/2000: Phó Trưởng phòng Thiết kế Đường dây – TV2;

Từ 01/9/2000 đến 30/11/2008: Trưởng phòng TK Đường dây – TV2;

Từ 01/12/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – TV2;

Từ 26/4/2012 đến nay: Thành viên HĐQT – TV2;

Từ 01/11/2012 đến 31/12/2013: Giám đốc Xí nghiệp Cơ điện – TV2;

Từ 01/01/2014 đến 30/9/2014: Giám đốc Trung tâm Lưới điện – TV2.



Ông: Trương Khắc Len

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1952

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất
Quá trình công tác:

Từ tháng 01/8/1975 đến 01/9/1981: Kỹ sư Công ty Khảo sát Địa chất Sông Đà – Hòa Bình;

Từ 01/10/1981 đến 28/02/1983: Kỹ sư, đội trưởng Địa hình Xí nghiệp Khảo sát công trình II Thủ Đức, TP. HCM;

Từ tháng 3/1983 đến 8/1984 Phó phòng kế hoạch – kỹ thuật XN khảo sát công trình 2 – Tp.HCM;

Từ tháng 9/1984 đến 6/1985 Học quản lý kinh tế tại Leningrad – Liên Xô cũ;

Từ 01/7/1985 đến 01/6/1987: Phó phòng Địa chất – địa hình – TV2;

Từ 01/7/1987 đến 01/5/1994: Phó đoàn KSTHM – TV2;

Từ tháng 01/6/1994 đến 01/10/2007: Phó Giám đốc – TV2;

Từ tháng 01/11/2007 đến 01/05/2009: Giám đốc – TV2;

Từ tháng 15/5/2009 đến 01/7/2012: Chủ tịch HĐQT – TV2;

Từ 11/10/2013: Thành viên HĐQT – TV2.

Ban kiểm soát: Nhiệm kỳ II (2012-2017)



Bà: Trịnh Thúy Quỳnh

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác:

Từ tháng 6/2002 đến 9/2004 Trợ lý kiểm toán viên Công ty DV TV Tài chính kế toán và Kiểm toán AASC – Bộ Tài Chính;

Từ tháng 9/2004 đến tháng 3/2005: Nhân viên phòng TCKT – Công ty Thông tin Viễn thông Điện lực;

Từ tháng 4/2015 đến tháng 2/2007 chuyên viên Ban cổ phần hóa & Chứng khoán EVN;

Từ tháng 3/2007- tháng 5/2011 Chuyên viên Ban Tổng hợp HDTV – EVN;

Từ tháng 6/2011 đến nay Phó Trưởng ban Tổng hợp HDTV – EVN;

Từ 26/4/2013 Trưởng ban Kiểm soát - TV2.



Bà: Trần Thị Hòa

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 2/1978 đến 2/1997 Cán bộ tín dụng, Phó phòng Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và phát triển Thuận Hải (Bình Thuận);

Từ 3/1997 đến 6/2000 Trưởng Quỹ tiết kiệm Sở giao dịch II Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Việt Nam;

Từ 7/2000 đến 11/2007 Giám đốc phòng giao dịch 2 – Sở giao dịch II - Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Việt Nam;

Từ năm 2012 Thành viên Ban kiểm soát - TV2.



Bà: Nguyễn Thị Thu Hiền

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản trị TCKT, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ năm 2004 đến 2007 Kế toán Công ty Cổ phần Quang Tiến – TP Hà Nội;

Từ 2007 đến tháng 5/2008 Kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Thông tin Tín Hiệu – TPHCM;

Từ tháng 5/2008 đến tháng 5/2010 Kế toán phòng đường dây - TV2;

Từ tháng 5/2010 đến nay Kế toán phòng Trung tâm Tư vấn Lưới Điện - TV2;

Từ năm 2012 Thành viên Ban kiểm soát - TV2.

Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc của Công ty

Ông: Nguyễn Chơn Hùng: Tổng giám đốc

(Lý lịch xem ở phần giới thiệu Ban Quản trị Công ty)

Ông: Nguyễn Trọng Nam: Phó Tổng giám đốc

(Lý lịch xem ở phần giới thiệu Ban Quản trị Công ty)



Ông: Trần Quang Lâm

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết bị thủy năng

Quá trình công tác:

Từ 01/12/1986 đến 31/8/1994: Kỹ sư - Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo – TV2;

Từ 01/9/1994 đến 28/02/1997: Phó Trưởng phòng - Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo – TV2;

Từ 01/3/1997 đến 31/12/2009: Trưởng phòng - Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo – TV2;

Từ 16/11/2007 đến 30/09/2014: Giám đốc Trung tâm - Ban Giám đốc Trung tâm - Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo – TV2.

Từ 01/01/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – TV2.

Những thay đổi trong Ban Điều hành Công ty

Trong năm 2015, Công ty có sự thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị nghỉ hưu theo chế độ và đã được bầu thay thế bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 diễn ra vào ngày 17/4/2015

S T T	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu năm giữ cá nhân	Tỷ lệ%	Ghi chú
1	Phạm Văn Thảo	Chủ tịch HĐQT	2.700	0,06	Không còn là Chủ tịch HĐQT do nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 17/4/2015
2	Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.400	0.077	Chủ tịch HĐQT từ 17/4/2015 đến nay

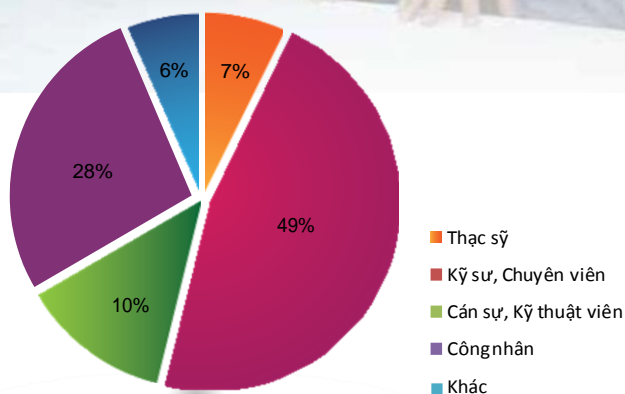


NHÂN LỰC

Với quan niệm nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của Công ty, chất lượng con người quyết định chất lượng công việc và dịch vụ, TV2 luôn coi nhiệm vụ đào tạo và đầu tư vào nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong chính sách phát triển. Không những trân trọng và tạo điều kiện phát huy cao nhất những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp của cán bộ lâu năm, Công ty còn đánh giá cao năng lực của lực lượng cán bộ kỹ thuật trẻ, xem đó là sức sống mạnh mẽ của Công ty hiện tại và trong tương lai. Cùng với việc nâng cao chất lượng tuyển dụng, đội ngũ người lao động của Công ty thường xuyên được đào tạo nâng cao trình độ dưới nhiều hình thức khác nhau: đào tạo qua thực tế công việc, qua các hội thảo, hội nghị tổng kết trao đổi kinh nghiệm, qua các dự án, các khóa đào tạo trong và ngoài nước và qua các chương trình hợp tác giữa TV2 và các tổ chức tư vấn quốc tế. Chính sách nâng cao năng lực tư vấn được Công ty soạn thảo và áp dụng tạo cho người lao động nhiều cơ hội thăng tiến. Chế độ đãi ngộ của Công ty được dựa trên năng lực và hiệu quả làm việc của từng người. Nhờ đó, Công ty đã tạo được ưu thế trong việc thu hút nguồn “chất xám”, đào tạo phát triển cũng như sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP TV2

Thông qua “Tài liệu văn hóa” và “Quy tắc Ứng xử & Tác phong làm việc TV2”, Công ty quy định và cam kết thực hiện các hành vi ứng xử và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của mọi thành viên TV2 trong nội bộ, và đối với khách hàng, đối tác, cộng đồng và xã hội.



Tổng số lao động của Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2 năm 2015 là 756 người, trong đó:

+ Thạc sỹ	: 48 người
+ Kỹ sư, Chuyên viên	: 373 người
+ Cán sự, Kỹ thuật viên	: 82 người
+ Công nhân	: 211 người
+ Khác	: 42 người



➤ Chính sách đối với người lao động

Ngay sau khi chuyển sang hoạt động theo cơ chế của công ty cổ phần, TV2 đã nghiên cứu, xây dựng và ban hành Quy chế tuyển dụng riêng của Công ty nhằm tuyển dụng và giữ được cán bộ có kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ giỏi, tay nghề cao và đam mê công việc phù hợp với yêu cầu công việc, đảm bảo đáp ứng đủ về số lượng, chất lượng (năng lực, kỹ năng...) để cùng Công ty nâng cao năng lực tư vấn và thi công các công trình điện đòi hỏi cao về trình độ chuyên môn cũng như kinh nghiệm.

Đối với đào tạo, ngoài việc tổ chức đào tạo tại chỗ, vừa làm vừa học qua thực tế công việc, TV2 còn tạo mọi điều kiện thuận lợi, cần thiết để người lao động được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn,...nhằm không ngừng nâng cao trình độ về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ... năng lực cạnh tranh, thực hiện tốt chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng của Công ty.

Với quan niệm nguồn lực con người là tài sản quý giá nhất của Công ty, chất lượng con người quyết định chất lượng công việc và dịch vụ, Công ty luôn coi nhiệm vụ đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong chính sách phát triển. Cùng với việc nâng cao chất lượng tuyển dụng, đội ngũ người lao động của Công ty thường xuyên được đào tạo nâng cao trình độ dưới nhiều hình thức khác nhau: đào tạo qua thực tế công việc, qua các hội thảo tổng kết trao đổi kinh nghiệm, qua các dự án, các khóa đào tạo trong và ngoài nước và qua các chương trình hợp tác giữa PECC2 và các tổ chức tư vấn quốc tế. Chính sách nâng cao năng lực tư vấn được Công ty soạn thảo và áp dụng tạo cho người lao động nhiều cơ hội thăng tiến. Chế độ đãi ngộ của Công ty được dựa trên năng lực và hiệu quả làm việc của từng người. Nhờ đó, Công ty đã tạo được ưu thế trong việc thu hút nguồn “chất xám”, đào tạo phát triển cũng như sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

➤ Công tác đào tạo

Căn cứ chiến lược phát triển của Công ty và kết quả phân tích nhu cầu đào tạo của Công ty để xây dựng kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho những năm tiếp theo nhằm giải quyết sự thiếu hụt về mặt năng lực cho các vị trí và nâng cao năng suất của Người lao động trong toàn Công ty;

Lập và thực hiện ngân sách đào tạo hằng năm căn cứ theo kế hoạch đào tạo nhằm đảm bảo việc sử dụng ngân sách có hiệu quả; Triển khai thực hiện, giám sát việc thực hiện, đề xuất hoặc tham gia xét xét các chương trình đào tạo theo kế

hoạch hoặc đột xuất cho phù hợp với quy định; Phát triển, cải tiến và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của các chương trình đào tạo bao gồm các chương trình đào tạo trọng điểm, các hình thức đào tạo khác nhau và phù hợp với từng đối tượng cụ thể trong từng giai đoạn cụ thể;

Phối hợp với các đơn vị xây dựng, đánh giá và quản lý khung năng lực cho các vị trí chủ chốt trong toàn công ty; Thiết kế, tổ chức và thực hiện chương trình đào tạo cho Người lao động mới hằng năm hoặc đột xuất; Theo dõi, giám sát và phối hợp thực hiện các chương trình đào tạo tại chỗ trong công việc của Người lao động; Tạo và quản lý các tài liệu đào tạo, hỗ trợ đào tạo gồm tài liệu bằng bản cứng hoặc tài liệu bằng file mềm;

Tạo và quản lý danh mục các nhà cung cấp dịch vụ đào tạo bao gồm các Trường, Trung tâm, Viện, các giảng viên...đào tạo; Tổ chức, thực hiện đánh giá các chương trình đào tạo nội bộ, phối hợp với lãnh đạo các Đơn vị để tạo ra công cụ và thực hiện việc đánh giá sau đào tạo đối với các chương trình đào tạo nội bộ, bên ngoài; Quản lý, cập nhật các hồ sơ đào tạo, chứng chỉ đào tạo;

Báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực theo yêu cầu định kỳ hoặc đột xuất; Phối hợp, xây dựng, cập nhật các thông tin đào tạo lên phần mềm quản lý Nhân sự cho phù hợp; Nghiên cứu và áp dụng các quy định của Nhà nước, Tập đoàn, quy chế quản lý nội bộ vào công tác đào tạo nhằm giảm thiểu các rủi ro về mặt pháp luật;

Tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phổ biến kinh nghiệm trong công tác đào tạo hoặc biên tập các tài liệu bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực đào tạo; Thực hiện công tác phối hợp, hỗ trợ thực hiện các chương trình đào tạo khác khi được yêu cầu.

➤ **Chính sách tiền lương**

Nhằm khuyến khích nâng cao hiệu quả lao động, hiệu suất công tác của từng người lao động, từng đơn vị trong Công ty, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện của các dự án, TV2 đã ban hành Quy chế phân phối tiền lương áp dụng cho các đơn vị trong Công ty. Căn cứ quy định chung của Quy chế này, mỗi khối, mỗi đơn vị đã xây dựng quy chế trả lương riêng cho phù hợp với đặc thù công việc tư vấn và công tác sản xuất kinh doanh của mỗi đơn vị nhằm động viên khuyến khích người lao động làm việc với năng suất, chất lượng và đạt hiệu quả cao.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2015, hoạt động đầu tư của Công ty đạt được những kết quả như sau:

- Nhà máy Thủy điện Srepok 4A: Công ty đang xem xét tăng tỉ lệ sở hữu thông qua việc mua cổ phần từ các đối tác khác vào thời điểm thích hợp.
- Cảng biển Vĩnh Tân: Công ty đã thông báo về việc không tham gia đầu tư góp vốn vào dự án và Pacific Corporation đã thống nhất về việc này.
- Dự án thủy điện Đak Rông 4: đầu năm 2015 Công ty đã nộp hồ sơ đề xuất đầu tư nhưng đến tháng 8/2015 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị ra thông báo tạm dừng việc lựa chọn nhà đầu tư cho dự án này do đang trong giai đoạn xử lý sau khi thu hồi giấy phép của nhà đầu tư cũ.
- Dự án thủy điện Long Hà (Hạ Srokphumieng): Công ty đã hoàn thành Báo cáo bổ sung quy hoạch dự án và đang trình UBND tỉnh Bình Phước xem xét có ý kiến.
- Dự án Thủy điện Thác Bà 2: Công ty đã hoàn thành Báo cáo bổ sung quy hoạch và đang trình Tổng Cục Năng lượng xem xét có ý kiến. Hiện nay, Công ty đang phối hợp với Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà thực hiện các bước tiếp theo để chuẩn bị triển khai đầu tư xây dựng Dự án.
- Công trình Văn phòng và nhà nghỉ ca của TV2, tại số 50A Dân Chủ, Thủ Đức: Công ty đang hoàn tất thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng với quy mô đầu tư giai đoạn 1 gồm: Khối nhà 02 tầng với 18 phòng, diện tích 702m², kết cấu khung, cột, kèo và cầu thang bằng thép, mái lợp tôn.
- Về mua chỉ định trụ sở 32 Ngô Thời Nhiệm: Công ty đã tiến hành các thủ tục xin mua chỉ định theo nghị quyết của HĐQT. UBND TP. Hồ Chí Minh đã có văn bản chấp thuận chủ trương bán chỉ định và đang tiếp tục các thủ tục định giá để bán.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu chính	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	552,916	662,087	120
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	471,097	708,402	150
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	63,123	69,213	110
Lợi nhuận khác	-119	4,154	-3491
Lợi nhuận trước thuế	63,004	73,366	116
Lợi nhuận sau thuế	49,352	57,060	116
Tỷ lệ trả cổ tức	22%	25%	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chi tiêu chính	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,22	1,32	108,2
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,12	1,22	108,9
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	79,21	7,1	8,96
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,38	2,9	85,8
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	7,82	12,72	162,7
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,85	1,07	125,9
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10,48%	8,05%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	39,11%	33,65%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,9%	8,6%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	13,4%	9,8%	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

✚ Cổ phần

Tổng số cổ phần : 4.439.000 cổ phần
Loại cổ phần : Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không
Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.439.000 cổ phần

✚ Cơ cấu cổ đông

Tổng số cổ phần đang lưu hành là 4.398.500 cổ phần được nắm giữ bởi các thành phần cổ đông như bảng sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.275.490	51,26
Các cổ đông thể nhân khác	2.163.510	47,83
Cổ phiếu quỹ	40.500	0,91
Tổng cộng	4.390.000	100

✚ Phân loại theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên)

Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	343.400	7,74
America LLC	468.100	10,54
Tổng cộng	811.500	18,28

✚ Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài

Chỉ tiêu	Trong nước (Cổ phần)	Nước ngoài (Cổ phần)	Tổng số (Cổ phần)
Tổ chức	2.905.831	573.300	3.479.131
Cá nhân	935.759	24.110	959.869

✚ Giao dịch cổ phiếu quỹ

Công ty hiện đang nắm giữ số lượng cổ phiếu quỹ là 40.500 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,91%. Trong năm 2015, Công ty không giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

📌 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2015, nền kinh tế trong nước mặc dù đã có tín hiệu phục hồi tốt, nhưng việc thu xếp đủ vốn cho các dự án đầu tư ngành điện vẫn là bài toán khó khăn. Các chủ đầu tư, do khó khăn về vốn, nên việc thanh toán các khối lượng khảo sát thiết kế hoàn thành chậm, dẫn đến những khó khăn trong việc cân đối tài chính và triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, được sự chỉ đạo và định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, cán bộ công nhân viên có tinh thần làm việc chủ động, sáng tạo, nỗ lực phát huy khả năng để khắc phục khó khăn, biến khó khăn thành ưu thế chủ quan của Công ty trong sản xuất kinh doanh. Tính đến 31/12/2015, Công ty đã đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

A. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Kế hoạch	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng doanh thu	679,795	730,529	107,46
Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	677,795	708,402	104,50
Doanh thu hoạt động tài chính	2,000	17,307	
Thu nhập khác		4,820	
Các chỉ tiêu tài chính			
Lợi nhuận trước thuế	35,000	73,367	209,62
Lợi nhuận sau thuế	27,123	57,060	210,37
Cổ tức (%)	20%	25%	

- Chỉ tiêu tổng doanh thu thực hiện năm 2015 đạt 730,529 tỷ đồng, đạt 107% so với kế hoạch và tăng 155% so với năm 2014;
- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt 73,367 tỷ đồng, đạt 209 % so với kế hoạch và tăng 159% so với năm 2014;
- Mức chi trả cổ tức năm 2015 là 25% (theo mệnh giá).

B. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm 2015

1. Công tác khảo sát thiết kế

1.1 Lĩnh vực tư vấn nhiệt điện

Mặc dù cùng một lúc triển khai thực hiện nhiều dự án trọng điểm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam như Vĩnh Tân 2, Vĩnh Tân 4, Duyên Hải 1 và Duyên Hải 3MR, Trung tâm tư vấn Nhiệt điện đã chủ động lập các kế hoạch nhân sự, kế hoạch công việc phù hợp cho từng dự án cụ thể, triển khai ứng dụng Chương trình quản lý dự án trong tổ chức quản lý và triển khai các dự án, hoàn thành xuất sắc kế hoạch được Công ty giao, đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng của các chủ đầu tư.

Một số dự án chính Trung tâm đã và đang thực hiện là:

- NMD Vĩnh Tân 2: Hoàn thành công tác phê duyệt thiết kế và giám sát thi công. Tổ máy 1 đã được cấp PAC, Tổ máy 2 đã được bàn giao cho CĐT, chờ cấp PAC. Đang tiếp tục xử lý và giám sát vấn đề ô nhiễm môi trường ở Bãi thải xỉ theo yêu cầu của Genco3.
- NMD Vĩnh Tân 1: Đang thực hiện công tác phê duyệt thiết kế (kết hợp hệ thống ESM) và giám sát trên công trường. Đổ bê tông (đợt 1) cho lò hơi #1 vào ngày 27/11/2015.
- NMD Vĩnh Tân 4: Đang thực hiện thiết kế EPC và giám sát thi công tại công trường. Hoàn thành ký hợp đồng phân hạng mục dùng chung giữa NMD Vĩnh Tân 4 và NMD Vĩnh Tân 4 MR.
- CSHT TTĐL Vĩnh Tân: Hoàn thành TKBVTC khu nhà công vụ Vĩnh Tân 2 và Vĩnh Tân 4. Việc thi công các hạng mục thuộc dự án CSHT cũng đã cơ bản hoàn thành.
- NMD Duyên Hải 1: Hoàn thành công tác phê duyệt thiết kế và giám sát thi công xây dựng. Đã bàn giao tổ máy 1 và các hạng mục dùng chung vào ngày 04/01/2016. Tổ máy thứ hai đã cấp PAC vào cuối tháng 01/2016.
- NMD Duyên Hải 3 mở rộng: Đang triển khai phê duyệt thiết kế và giám sát tại công trường.
- Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1: Hoàn thành hồ sơ biên dịch FS & SAD (bao gồm ĐTM). Lập phương án khảo sát giai đoạn lập TKKT. Hoàn thành báo cáo ĐTM tổ máy 2, 4.
- Nhà máy điện hạt nhân 3: Hoàn thành công tác khảo sát và các phần của báo cáo Pre-FS theo hợp đồng với Viện Năng lượng (các báo cáo chuyên đề về kinh tế xã hội, địa chất, địa hình, KTTV).
- NMD Ô Môn I#2: Đã cấp PAC và đã đưa vào vận hành thương mại từ tháng 12/2015.

Với các kết quả đã đạt được và được ghi nhận từ phía khách hàng, TV2 đã tạo được uy tín là một trong những Tư vấn hàng đầu trong các công trình nhiệt điện. Vì vậy, ngoài Chủ đầu tư là EVN, các Tập đoàn lớn trong và ngoài nước tiếp tục tìm đến TV2 để hợp tác, tham gia thực hiện dự án từ giai đoạn thực hiện đầu tư đến giám sát thi công trình, Tư vấn Quản lý Dự án.

1.2 Lĩnh vực tư vấn thủy điện và Năng lượng tái tạo

Trong năm 2015, Trung tâm tư vấn thủy điện và năng lượng tái tạo (TTĐ) đã hoạt động trong bối cảnh không có các dự án nguồn thủy điện có quy mô lớn, thiếu nhân sự có trình độ năng lực cao, áp lực về tiến độ và chất lượng đồ án khi chuyển sang thực hiện một số công tác lập báo cáo quy hoạch, thiết kế thi công cơ sở hạ tầng TTĐL và các dự án năng lượng tái tạo, song bất chấp các điều kiện khó khăn đó, TTĐ vẫn đảm bảo hoạt động ổn định, duy trì việc làm cho người lao động, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Công ty giao.

Một số dự án TTĐ đã thực hiện trong năm 2015:

- Hoàn thành và đưa vào vận hành dự án thủy điện Đồng Nai 5.
- Thực hiện công tác Tư vấn giám sát dự án thủy điện Thác Mơ Mở rộng.
- Hoàn thiện TKKT-TDT dự án Mở rộng NMTĐ Đa Nhim. Khởi công tháng 12/2015.
- Thực hiện lập Bản vẽ thi công và dự toán cho các dự án Đak Mi 2 và Đak Mi 3.
- Hoàn thành quyết toán các dự án thủy điện Đồng Nai 3&4.
- Hoàn thiện Bộ định mức đơn giá kiểm định mô hình kỹ thuật số thủy lực thủy điện.
- Lập Dự toán sơ bộ Phương án phòng chống lũ, lụt vùng hạ du đập và tính toán thủy lực hạ du đập Công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị.
- Trình báo cáo bổ sung quy hoạch các dự án thủy điện Long Hà, Thác Bà 2, Hạ Đakr'Tih.
- Thiết kế hệ thống thoát nước mặt, giám sát kênh dẫn nước làm mát NB Vĩnh Tân 4.
- Thiết kế kỹ thuật - bản vẽ thi công hạng mục Bể chứa nước xả lò, Xử lý vấn đề môi trường - Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 2.
- Giám sát thi công đường ống dẫn dầu cho các nhà máy thuộc Trung tâm Điện lực Phú Mỹ.
- Hoàn thành và trình Báo cáo quy hoạch phát triển Điện gió Cà Mau.

1.3 Lĩnh vực tư vấn lưới điện

Năm 2015 là năm có nhiều khó khăn, rủi ro trong công tác Tư vấn thiết kế Lưới điện (TLĐ), một số dự án đã thực hiện công tác Tư vấn nhưng Chủ đầu tư chưa phê duyệt, tạm dừng triển khai thực hiện dự án, một số dự án có nguy cơ hủy không thực hiện do liên quan đến vốn đầu tư lớn và có nhiều giải pháp khác thay thế. Đây cũng chính là áp lực rất lớn, nhưng với trách nhiệm, sự cố gắng và quyết tâm cao, TLĐ đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 của Công ty giao.

Các dự án tiêu biểu TLĐ đã hoàn thành trong năm 2015 như sau:

- Hoàn thành và đóng điện 26 công trình lưới điện trong năm 2015
- ĐD 500kV - Vũng Áng - rẽ Đà Nẵng - Hà Tĩnh (nhánh 1).
- ĐD 220kV NĐ Duyên Hải - Mỏ Cày.
- ĐD 220kV Cầu Bông - Đức Hòa.
- ĐD 220kV đấu nối TBA 220/110kV Bàu Sen (TP.Nhơn Trạch).
- ĐD 22kV cấp điện cho Trung tâm Hành chính huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.
- Lắp chống sét van các ĐD 220kV mua điện TQ mạch 2 (Mã Quan - Hà Giang - TĐ Tuyên Quang - TX TQ - Thái Nguyên).
- ĐD 110kV An Biên – Vĩnh Thuận và các công trình đấu nối thuộc TBA 110kV Tân Bình 3, Gò Vấp, An Phú.
- TBA 500kV Vĩnh Tân.
- TBA 500kV Cầu Bông và đấu nối.
- TBA 500/220kV Trung tâm Điện lực Duyên Hải.
- TBA 500kV Mỹ Tho và đấu nối.
- TBA 220kV KonTum và đấu nối, TBA 220kV Củ Chi, TBA 220kV Đức Hòa và TBA 220kV Bàu Sen (Nhơn Trạch).
- TBA 110kV Vĩnh Thuận, TBA 110kV Phú Châu, TBA 110kV Hòn Đất, TBA 110kV Cầu Bông nối cấp, TBA 110kV Bình Hòa, TBA 110kV An Phú, TBA 110kV Gò Vấp 2 và TBA 110kV Tân Bình 3.
- Giàn tụ bù 110kV tại TBA 110kV Tía (E10.4) thuộc công trình Lắp bổ sung tụ bù lưới điện 110kV (Ban QLDA Lưới điện Hà Nội).
- Lắp đặt tụ bù TBA 110kV Núi Một - Thanh Hóa.
- Các công trình trọng điểm hoàn thành công tác Tư vấn năm 2015
- ✓ **18 công trình đã được phê duyệt**
- ĐD 500kV đấu nối NMD Vĩnh Tân 4 và HTĐ Quốc gia (BCNCKT);
- Cải tạo, nâng cấp ĐD 220kV Long An – Cai Lậy 2 (TKKT);
- ĐD 220kV Thái Bình - Tiền Hải - Trực Ninh (TKKT);
- ĐD 110kV Trần Đề - Cù Lao Dung (BCNCKT);
- ĐD 110kV Giồng Riềng - Gò Quao (TKBVTC);
- Đấu nối phía 110kV TBA 220kV TP. Nhơn Trạch (TKBVTC).
- Cải tạo nhánh rẽ 110kV Củ Chi (BCNCKT);
- TBA 220kV Bắc Ninh 3 (TKKT);

- Lắp máy biến áp thứ 2 TBA 220kV Bạc Liêu (TKBVTC);
- Nâng công suất TBA 220kV Vĩnh Long 2 (TKBVTC);
- Thay máy biến áp 220kV-125MVA lên 250MVA tại TBA 500kV Đà Nẵng (TKBVTC);
- TBA 110kV An Thạnh (TKBVTC);
- Lắp đặt ngăn tụ bù 110kV dung lượng 20MVAR cho trạm 110kV Thanh Oai (Ban QLDA Lưới điện Hà Nội) (TKBVTC);
- Lắp đặt tụ bù TBA 110kV Núi Một - Thanh Hóa (TKBVTC);
- Lắp tụ bù tại các TBA 110kV khu vực Bắc Giang - Giai đoạn 2 (TKBVTC);
- Lắp đặt 2 ngăn tụ bù 110kV 2x10MVAR cho Trạm 110kV Thanh Oai (TKBVTC);
- TBA 110kV Long Đức & ĐDDN, tỉnh Trà Vinh (TKBVTC);
- Lắp tụ bù trên lưới 110kV (Trạm Tía và Sơn Tây) (TKBVTC).
- ✓ **31 công trình đã hoàn thành (chưa phê duyệt)**
- ĐD 500kV NĐ Vân Phong – Vĩnh Tân (BCNCKT, BCNCKT);
- ĐD 500kV đầu nối NĐ Vĩnh Tân 4 và HTĐ Quốc gia (TKKT);
- ĐD 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa (TKKT);
- ĐD 220kV Cát Lái – Tân Cảng (BCNCKT);
- Di dời tuyến cáp ngầm 220kV Nhà Bè – Tao Đàn đoạn băng kênh Bến Nghé (TKBVTC);
- ĐD 110kV Sóc Trăng 2 - Trần Đề (BCNCKT);
- ĐD 110kV Trần Đề - Cù Lao Dung (TKBVTC);
- ĐD 110kV Xa Lộ - Đa Kao (BCNCKT);
- Cải tạo ĐD 110kV Hóc Môn - Bè Quọ (đoạn Bình Tân - Bà Quọ) (BCNCKT);
- ĐD 110kV Sơn Hòa – Krông HNăng (BCNCKT);
- Nâng công suất TBA 500kV Tân Định (FS)
- Trạm biến áp 220kV Tân Cảng (FS).
- Trạm biến áp 220kV Bến Lức (FS).
- Trạm biến áp 220kV Giá Rai (FS).
- Trạm biến áp 220kV Cần Đước (TKBVTC).
- Lắp đặt tụ bù tĩnh có điều khiển giai đoạn 1 (FS)
- Trạm biến áp 220kV Bến Lức (FS).
- Trạm biến áp 220kV Giá Rai (FS).

- Nâng cấp HTĐKBV các TBA 500, 220kV khu vực miền Nam (gồm các HM trạm 500kV Phú Lâm; 220kV Mỹ Tho, Cai Lậy, Trà Nóc) (TKBVTC).
- Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Sóc Trăng, giai đoạn 2 (TKBVTC).
- TBA 220 kV Cần Đước & ĐD ĐN (TKBVTC);
- TBA 110kV Cù Lao Dung và ĐD đầu nối (Sóc Trăng) (TKBVTC)
- TBA 110kV Gò Quao (TKBVTC).
- TBA 110kV ĐHQGHN& ĐN (TKBVTC)
- Lắp đặt tụ bù ngang trên lưới truyền tải điện khu vực miền Bắc (FS);
- Lắp đặt tụ bù ngang trên lưới truyền tải điện khu vực miền Trung (FS);
- Lắp đặt tụ bù ngang trên lưới truyền tải điện khu vực miền Nam (FS);
- Cải tạo TBA 110kV Thanh Đa (hoàn thiện sơ đồ cầu đủ), (TKKT).
- Cải tạo TBA 110kV Bình Triệu (hoàn thiện sơ đồ cầu đủ), (FS).
- Cải tạo TBA 110kV An Khánh (hoàn thiện sơ đồ cầu đủ), (TKKT).
- Cải tạo TBA 110kV Nam Sài Gòn 2, Tân Tạo, Lê Minh Xuân (sơ đồ cầu đủ) (TKKT).

- Công tác tính toán hệ thống điện:

Trong năm 2015, tổ TTHT điện đã tham gia tổng cộng 60 dự án, trong đó:

- Đã thực hiện 29 dự án TBA 110kV, 220kV và 500kV, trong số các dự án TBA có các dự án phức tạp như dự án lắp đặt SVC, FACTS.
- Đã thực hiện 22 dự án đường dây 110kV, 220kV và 500kV.
- Đã thực hiện 6 dự án nguồn điện điển hình như: NMD Vũng Áng 3.1, Quảng Trị 1, Ô Môn, Long An, Kiên Giang, Điện gió Cà Mau.
- Thực hiện 03 dự án quy hoạch khác là dự án Đảm bảo cung cấp điện cho TP HCM, điều chỉnh quy hoạch PTDL Cà Mau và phương án cấp điện cho huyện đảo Phú Quốc.

1.4 Lĩnh vực khảo sát

Bước vào năm kế hoạch 2015, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp không ít khó khăn, các Chủ đầu tư chậm thanh toán khối lượng hoàn thành cho Xí nghiệp, dẫn đến khó khăn trong việc cân đối tài chính và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, bên cạnh đó khối lượng, phần việc các công trình Xí nghiệp được giao ngày càng ít đi, công tác khảo sát thủy điện hầu như không còn, thị trường công tác khảo sát trong Ngành điện bị thu hẹp trong khi thị phần cạnh tranh hết sức khốc liệt giữa các đơn vị trong và ngoài Ngành điện. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực và quyết tâm cao của Ban Lãnh đạo Xí nghiệp cùng tập thể NLĐ, Xí nghiệp đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm của Công ty giao, đảm bảo tiến độ và chất lượng khảo sát các công trình nguồn và lưới điện.

Một số dự án chính Xi nghiệp đã thực hiện trong năm 2015 là:

- Công trình mở rộng thủy điện Đa Nhim giai đoạn TKKT; Khảo sát Thủy điện Đồng Nai 5, khảo sát bổ sung Đường ống áp lực Thủy điện Sông Bung 2, Khảo sát bổ sung Thủy điện Đăk Mi 3, cắm mốc ranh lòng hồ công trình thủy điện Đồng Nai 3&4; Khảo sát xử lý sạt lở Suối Đăk Nang (Buôn Tua Srah).
- Khảo sát Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị 1, khảo sát Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn III; Hoàn thành công tác khảo sát bổ sung dự án Điện Hạt nhân Ninh Thuận 2 cùng tư vấn DIA, HanShin; Khảo sát dự án Điện Hạt nhân 3 (Bình Định); Khảo sát khu nhà điều hành TTĐL Vĩnh Tân, khu Cảng tổng hợp, Cảng than 100.000 tấn TTĐL Vĩnh Tân.
- Đường dây 500kV Vân Phong - Vĩnh Tân giai đoạn lập DADT; Đường dây 500kV TTĐL Vĩnh Tân-Rẽ Sông Mây-Tân Uyên giai đoạn lập báo cáo TKKT; Đường dây 220 kV Bắc Giang - Lạng Sơn giai đoạn lập TKKT bổ sung và khoan khảo sát tại các vị trí có độ dốc lớn có nguy cơ sạt trượt; Đường dây 220 kV Thái Bình Tiền Hải Trục Ninh giai đoạn lập TKKT bổ sung, Đường dây 220 kV Phú Lâm - Hóc Môn 1 giai đoạn lập TKKT; ĐD 110kV Sóc Trăng 2 - Trần Đề giai đoạn lập DADT; TBA 220kV Thủy Nguyên giai đoạn lập DADT, TBA 220kV Tân Cảng giai đoạn lập DADT, Trạm biên áp 220kv Bắc Ninh 3 và đường dây đấu nối giai đoạn lập TKKT, Khảo sát lập TKKT lưới điện 22kV cấp điện trung tâm hành chính Huyện Kiên Hải.
- Quan trắc thủy văn Công trình Đồng Nai 5. Đăk R'tih, trạm cao không Ninh Thuận 1.
- Quan trắc biến dạng các công trình thủy điện: Hàm Thuận - Đa Mi chu kỳ 13, Bản Chát chu kỳ 4, Đồng Nai 3 chu kỳ 5, Đồng Nai 4 chu kỳ 5, Sêpok 3 chu kỳ 6; Quan trắc độ cao tĩnh không dây dẫn đoạn vượt sông Soài Rạp của 3 Đường dây 500kV Phú Mỹ - Nhà Bè, 220kV Phú Mỹ - Nhà Bè, 220kV Nhơn Trạch - Cai Lậy và Nhơn Trạch - Mỹ Tho 2.

2. Hoạt động kinh doanh

❖ Lĩnh vực kinh doanh EPC

- Năm 2015, Ban EPC đã tập trung xử lý các công việc của dự án Vĩnh Tân 4 - dự án đầu tiên Công ty tham gia trong vai trò nhà thầu EPC. Kết quả thực hiện như sau:
 - Theo tiến độ của dự án, Ban EPC đã phối hợp cùng các đơn vị đảm bảo các yêu cầu của các bên về tài chính, doanh thu và tiến độ cho dự án; Đã triển khai thực hiện 10/10 gói thầu theo tiến độ đề ra. Trong đó, đã hoàn thành 02 gói thầu: gói đường tạm thi công và gói điện nước thi công.
 - Ngoài ra, Ban EPC tiếp tục hỗ trợ Pacific (một trong những thành viên của tổ hợp thầu DMPP) trong công tác đánh giá thầu các gói thầu do Pacific phụ trách và tiếp tục hoàn thành các gói thầu khác theo thỏa thuận giữa Pacific và PECC2.

- Ban EPC đã phối hợp chặt chẽ cùng với các thành viên tổ hợp Nhà thầu DMPP làm việc với Chủ đầu tư, các nhà thầu phụ cho công tác nghiệm thu, thanh toán theo Hợp đồng EPC, hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Ban EPC đã phối hợp với Tổ hợp và Chủ đầu tư hoàn tất công tác thương thảo và ký kết phụ lục hợp đồng cho các hạng mục dùng chung giữa nhà máy điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở rộng.
- Cơ cấu tổ chức và các hoạt động kinh doanh theo mô hình quản lý dự án của Ban EPC đã đi vào vận hành ổn định, đảm bảo tiến độ và chất lượng các gói thầu theo quy định của hợp đồng EPC.

❖ Lĩnh vực gia công cơ khí/xây lắp

Năm 2015, Xí nghiệp đã nỗ lực tổ chức và quản lý điều độ tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, cải tạo và hoàn thiện mặt bằng nhà xưởng, đáp ứng các yêu cầu về tiến độ và chất lượng hàng hóa giao nhận cho các Khách hàng. Hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu về doanh thu và tài chính. Thu nhập của người lao động ổn định và tăng trưởng khá. Điều kiện làm việc được cải thiện, tinh thần làm việc đồng đội được nâng cao. Vị thế của Xí nghiệp được nâng lên một bước.

Kết quả mà Xí nghiệp đạt được trong năm 2015 là cả một sự nỗ lực, cố gắng phấn đấu không ngừng của toàn thể NLD. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2015 tiếp tục cho thấy sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm của tập thể lãnh đạo Xí nghiệp trong việc hoạch định chiến lược và các giải pháp thực hiện phù hợp với đặc thù từng thời kỳ để phát triển sản xuất kinh doanh và xây dựng đơn vị, là thành quả của sự đoàn kết gắn bó, năng động, sáng tạo của tập thể Xí nghiệp.

Một số công trình chính Xí nghiệp đã thực hiện trong năm 2015 là:

- TBA 500kV/220kV Mỹ Tho và các ĐD đấu nối : 766 tấn
- TBA 220kV Ba Đồn : 102 tấn
- Hệ thống lọc bụi tĩnh điện ESP NĐ Vĩnh Tân 4 : 2.600 tấn

Ngoài ra, Xí nghiệp còn thực hiện nhiều công trình nhỏ lẻ khác với các khách hàng truyền thống. Tổng khối lượng gia công chế tạo khoảng trên 1.000 tấn.

Năm 2015, khối lượng hàng hóa tăng cao, nhất là sản xuất và giao hàng cho các gói thầu hệ thống ESP, CHS cho dự án nhiệt điện Vĩnh Tân 4. Do đó, để đảm bảo tiến độ, chất lượng hàng hóa và đặc biệt là hoàn thành vượt các chỉ tiêu tài chính là nỗ lực lớn của công tác quản trị và điều hành Xí nghiệp. Tuy nhiên, với ngành nghề cơ khí thì việc tìm kiếm việc làm, tiết kiệm chi phí, sản xuất kinh doanh có lãi vẫn luôn là thách thức lớn đối với các nhà quản lý đơn vị.

3. Hoạt động đầu tư

Trong năm 2015, Công ty đã và đang thực hiện các dự án như sau:

- Nhà máy Thủy điện Srepok 4A;
- Cảng biển Vĩnh Tân;
- Dự án thủy điện Đak Rông 4;
- Dự án thủy điện Long Hà (Hạ Srokphumieng);
- Dự án Thủy điện Thác Bà 2;
- Công trình Văn phòng và nhà nghỉ ca của TV2, tại số 50A Dân Chủ, Thủ Đức;
- Mua chỉ định trụ sở 32 Ngô Thời Nhiệm.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Trong năm 2015, tổng Tài sản và Nguồn vốn của TV2 tăng từ 552,916 tỷ năm 2014 lên 662,087 tỷ năm 2015, tăng 19,7%.

Trong đó, Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 91,79% tổng Tài sản, chủ yếu là khoản phải thu ngắn hạn (41,33%) và tiền các khoản tương đương tiền (30,86%).

Tình hình nợ phải trả

Theo cơ cấu Tổng nguồn vốn năm 2015, Nợ phải trả 492,499 tỷ đồng chiếm 74,4% Tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn 459,906 tỷ đồng (chiếm 69,46%).

Chi tiết Nợ phải trả của TV2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với một số chỉ tiêu chính:

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của TV2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 169.588.712.129 đồng, trong đó một số chỉ tiêu chính như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 44.390.000.000 đồng
- Vốn khác của chủ sở hữu: 8.857.682.530 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 34.719.967.727 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 81.911.785.234 đồng

So với Vốn chủ sở hữu của TV2 tại ngày 31/12/2014 là 126.172.842.047 đồng, đã tăng 43,415 tỷ đồng so với năm 2014, tương ứng tăng 34,4%

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác quản lý

• Về công tác hành chính

- Tiếp tục tổ chức triển khai chấn chỉnh việc quản lý, thực hiện kỷ luật lao động tại các đơn vị, với tinh thần nêu cao ý thức tự giác, trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của trưởng đơn vị trong việc thực hiện các quy định, quy trình, nội quy lao động.
- Đã tổ chức thành công Hội nghị Người lao động lần thứ 7, Đại hội đồng cổ đông thường niên, phát động phong trào thi đua và các hoạt động thể thao phong trào.
- Phối hợp cùng Công đoàn Công ty tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động các đơn vị và người lao động sử dụng tiết kiệm điện.
- Chuẩn bị và tổ chức thành công sự kiện quan trọng “Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập TV2”.

• Về công tác xây dựng cơ bản

- Thực hiện công tác cải tạo, sửa chữa và duy tu chỉnh trang các trụ sở văn phòng và nhà công trường, đảm bảo tốt các điều kiện làm việc cho người lao động và các đơn vị.
- Sắp xếp, di dời, cải tạo, tái bố trí phòng làm việc cho lãnh đạo Công ty và các đơn vị tại trụ sở 32 Ngô Thời Nhiệm và 131 Hòa Hưng. Cải tạo Hội trường, Phòng họp 1, Phòng họp 3 tại 32 Ngô Thời Nhiệm, sớm đưa vào sử dụng kịp thời phục vụ các cuộc họp quan trọng.
- Hoàn thành Cải tạo sân trước và ốp lát đá tiền sảnh tầng trệt của trụ sở 32 Ngô Thời Nhiệm; Thay mới xà gỗ và tôn lợp mái nhà dẫy A của trụ sở 32 Ngô Thời Nhiệm và cải tạo nâng cấp các nhà vệ sinh tại trụ sở 131 Hoà Hưng.
- Mở rộng Khu nhà lưu trú Liên Hương (480 m²): Đã lập Phương án thiết kế mở rộng và đang hoàn thiện hồ sơ xin phép xây dựng công trình mở rộng nhà lưu trú tại thị trấn Liên Hương..
- Khu nhà đất tại Duyên Hải (8.900 m²): Đang lập phương án triển khai xây dựng thêm khối nhà để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Thiết kế tổng thể đã phê duyệt trước đây.
- Khu nhà đất tại 50A Dân Chủ, Q.Thủ Đức (2.400 m²): Đã ban hành Quyết định điều chỉnh phạm vi diện tích khu đất đã giao Xí nghiệp Khảo sát, phần diện tích còn lại chuyển về Công ty thực hiện dự án Xây dựng nhà nghỉ ca của TV2 (lưu trú). Công tác đầu tư xây dựng phần diện tích đất này, hiện nay đạt tiến độ như sau: (1) Đang hoàn thiện hồ sơ xin phép xây dựng "Công trình Văn phòng

và nhà nghỉ ca của TV2"; (2) đã lựa chọn xong nhà thầu thiết kế bản vẽ thi công công trình.

– Khu nhà đất tại 45 Đường số 2, Q.Thủ Đức (10.000 m2): Đã thống nhất với Ban QLDA của UBND quận Thủ Đức về phương án đền bù giải tỏa mở rộng đường Trường Thọ đối với phần diện tích nhà xưởng bị ảnh hưởng.

• Về công tác tổ chức nhân sự

– Thực hiện các thủ tục để bổ nhiệm/bổ nhiệm lại nhân sự đảm nhận các chức vụ: Thư ký Công ty, Phó TP. KHĐT, Phó TP. TCKT, TP. CNTT; Giám đốc TLĐ; Giám đốc và Phó Giám đốc TTĐ; Giám đốc XNCĐ; và một số chức danh lãnh đạo các đơn vị trực thuộc các Trung tâm.

– Thực hiện công tác Quy hoạch cán bộ EVN quản lý giai đoạn 2016 - 2020;

– Triển khai công tác Nhận xét, đánh giá NLĐ năm 2015;

– Thực hiện các thủ tục điều động nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc của các đơn vị;

– Tổng số lao động toàn Công ty có đến 31/12/2015 là 756 người. Công ty đã tuyển dụng bổ sung kịp thời cho các đơn vị 78 NLĐ gồm: 02 Chuyên gia cao cấp (là Người nước ngoài), 17 Kỹ sư, 14 Chuyên viên, 09 nhân viên và 36 công nhân.

• Về công tác đào tạo

Trong năm 2015, tổng cộng có 935 lượt NLĐ tham gia các chương trình đào tạo, trong đó: Đào tạo nội bộ là 739 lượt người, đào tạo bên ngoài là 195 lượt người. Cụ thể:

▪ Đào tạo nội bộ

– Công ty có tổng cộng 739 lượt NLĐ tham gia các chương trình đào tạo nội bộ bao gồm các chương trình đào tạo do các đơn vị tổ chức và các chương trình đào tạo được thực hiện do thuê ngoài nhưng được thực hiện tại Công ty. So với năm trước, các chương trình đào tạo nội bộ được thực hiện theo đúng kế hoạch và chỉ có 01 chương trình xin chuyển sang năm 2016 vì cán bộ bận đi công tác thường xuyên. Nhưng bù lại, có thêm một vài chương trình mới đăng ký. Đặc biệt là các Hội nghị về công tác Thiết kế nguồn và lưới điện, đào tạo về Đấu thầu do các chuyên gia trình bày đã thu hút đông đảo NLĐ tham gia.

– Về đào tạo Kỹ năng mềm: Công ty đã tổ chức chương trình đào tạo kỹ năng Giao tiếp ứng xử và Thuyết trình hiệu quả cho các Cán bộ quản lý (CBQL) với 35 người tham gia do Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo Trí tuệ Doanh nghiệp (bSmart) tổ chức và được đánh giá rất tốt. Trong năm 2016, Công ty sẽ tổ chức thêm nhiều lớp về Kỹ năng mềm không chỉ cho cán bộ quản lý mà còn cho NLĐ của TV2.

– Về đào tạo Ngoại ngữ: Trong năm 2015, phòng TCNS cùng với Văn phòng Công ty đã tổ chức 02 lớp Tiếng Anh (luyện thi TOEIC 550 và lớp tiếng Anh giao tiếp) với hơn 40 người tham gia. Tuy nhiên, do không chủ động được phòng học nên lớp học đã tạm dừng để ưu tiên cho công việc sản xuất.

▪ **Đào tạo bên ngoài**

– Năm 2015, có tổng cộng 195 lượt người tham gia các chương trình đào tạo bên ngoài, đặc biệt là các chương trình đào tạo Chuyên gia: phần mềm thiết kế 3D cho 14 người, đào tạo Thợ hàn tại Ấn Độ (05 người), đào tạo Quản trị kinh doanh cao cấp 21 người;

– Đào tạo dài hạn: Công ty hiện có 01 Thạc sĩ đang tham gia đào tạo Tiến sĩ tại Mỹ chuyên ngành điện hạt nhân. TV2 cũng đang tích cực tìm kiếm nhân sự để cử đi đào tạo theo chương trình đào tạo cán bộ nòng cốt Điện hạt nhân tại Nhật Bản.

– Đối với các chương trình đào tạo nghiệp vụ năm 2015, TV2 có tổng cộng 103 lượt người tham gia với nhiều chuyên đề và nhằm cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ như: Đào tạo về Luật đấu thầu mới, Luật doanh nghiệp, an toàn lao động.

• **Thực hiện chế độ chính sách đối với NLĐ**

– Thực hiện việc cập nhật, đối chiếu danh sách và quyết toán kinh phí đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của cơ quan BHXH TP HCM;

– Lập danh sách và mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả NLĐ, kịp thời làm thủ tục đề nghị Bảo hiểm bồi thường khi xảy ra tai nạn là 07 người;

– Hoàn thành hồ sơ giải quyết chế độ cho: 11 người đủ tuổi nghỉ hưu, 01 người chết. Đồng thời giải quyết các chế độ trợ cấp trước khi nghỉ theo quy định của Nhà nước và của Công ty;

– Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ trợ cấp thôi việc, hướng dẫn trợ cấp thất nghiệp, chốt sổ BHXH cho NLĐ thôi việc theo quy định;

– Phối hợp với Y tế Công ty lập danh sách mua BHYT cho NLĐ kịp thời theo quy định;

– Thực hiện làm sổ BHXH cho NLĐ mới vào Công ty;

– Hướng dẫn toàn bộ NLĐ trong Công ty kiểm tra thông tin BHXH trên mạng BHXH TP Hồ Chí Minh; Rà soát và làm thủ tục điều chỉnh thông tin trong sổ BHXH của NLĐ tại cơ quan BHXH;

– Thực hiện báo cáo tăng giảm lao động tiền lương hàng tháng, quý để điều chỉnh nộp BHXH;

– Báo cáo thống kê lao động và thu nhập theo quy định của EVN và yêu cầu của Sở lao động TB&XH, Cục thống kê TP.HCM;

– Thực hiện chế độ chính sách ốm đau 08 trường hợp, thai sản 08, dưỡng sức 05, trợ cấp khó khăn cho 02 trường hợp NLD.

• Về công tác tài chính kế toán

Trong năm 2015 công tác tài chính kế toán đã làm được một số việc sau:

– Làm việc với Cục thuế Hồ Chí Minh kiểm tra quyết toán thuế năm 2014, làm việc với Kiểm soát viên EVN và Ban Kiểm soát EVN về công tác tài chính kế toán 2014, 6 tháng đầu năm 2015; làm việc với Ban Quản lý Vốn về Người đại diện phần vốn của EVN tại TV2.

– Thực hiện cập nhật và thực hiện lập báo cáo tài chính 2015 theo Thông tư 200/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC.

– Tiến hành triển khai thực hiện nộp thuế qua mạng tập trung ở Công ty, thực hiện nghiêm túc chủ trương giảm thủ tục hành chính trong kê khai và nộp thuế của Chính phủ.

– Hoàn thành báo cáo tài chính 2014 sau kiểm toán, quyết toán thuế TNDN và quyết toán thuế TNCN năm 2014, công bố thông tin BCTC quý, soát xét bán niên 2015 kịp thời hạn theo quy định của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

– Thực hiện việc cân đối dòng tiền, ứng khối lượng tại 03 trung tâm, 02 chi nhánh, đảm bảo vốn lưu động cho 03 lĩnh vực: khảo sát thiết kế, hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư.

– Thực hiện giám sát thực hiện kế hoạch tài chính tại các chi nhánh, trung tâm, thực hiện kiểm tra nội bộ công tác tài chính kế toán tại các đơn vị khoán thông qua kiểm tra chứng từ hàng tháng và kiểm tra hạch toán hai chi nhánh thông qua chương trình kế toán FMIS cũng như hệ thống các báo cáo quản trị tuần của Công ty.

– Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ trong và ngoài EVN theo các dòng sản phẩm.

• Về công tác kế hoạch

– Đã tăng cường công tác quản lý, đảm bảo tính pháp lý cho công tác kế hoạch phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

– Quản lý công tác quản lý và cấp phát vật tư, sửa chữa xe máy đúng theo qui định của công ty, không để xảy ra trường hợp thất thoát, lãng phí.

– Đã thương thảo và ký kết các hợp đồng trong danh mục kế hoạch năm cũng như những dự án mới phát sinh. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong công tác lập và trình duyệt các dự toán cũng như việc nghiệm thu thanh toán đối với các Chủ đầu tư, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất.

• Về công nghệ thông tin

- Tiếp tục vận hành, duy trì hoạt động của hệ thống mạng máy tính, email và các chương trình quản lý. Hỗ trợ trong việc trang bị và xử lý các sự cố liên quan đến thiết bị tin học.
- Xử lý các vấn đề liên quan đến bản quyền phần mềm: như bản quyền Tekla, tìm hiểu và đề xuất trang bị bản quyền AutoCAD, Windows, Office.
- Riêng về hệ thống mạng và thiết bị: tiếp nhận việc chủ trì mua sắm trang thiết bị tin học; Trang bị lại hệ thống wifi tập trung; Join domain cho các máy tính dùng Windows.
- Về phần mềm tự phát triển: vận hành, nâng cấp, sửa chữa các phần mềm hiện có; Triển khai hệ thống OA cho VTPC1 (Vĩnh Tân 1); Hỗ trợ nâng cấp phân hệ Phê duyệt tài liệu thiết kế; Nâng cấp code framework.

• **Về quản lý chất lượng**

- Tiếp tục thực hiện công tác thẩm tra thiết kế các dự án đúng theo quy định.
- Đã tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm khảo sát – thiết kế lĩnh vực Lưới điện và Nguồn điện.
- Phối hợp với các Trung tâm tư vấn biên soạn và ban hành các tài liệu cẩm nang thiết kế, giám sát thi công các dự án thủy điện, nhiệt điện, lưới điện. Đã hoàn thành: Cẩm nang thiết kế Nhiệt điện (phần xây dựng, công nghệ, điện), Cẩm nang thiết Kế Đường dây, Cẩm nang thiết kế Trạm Biến áp.
- Chính sách chất lượng hệ thống ISO 9001:2008 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004 được kiểm soát chặt chẽ. Không có các sản phẩm không phù hợp được phát hiện. Trong năm, đã thực hiện các cuộc Đánh giá nội bộ, Đánh giá cấp chứng chỉ ISO 9001:2008 và Đánh giá giám sát (lần 2) ISO 14001:2004 theo quy định và đạt kết quả tốt.
- Thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung hiệu chỉnh các quy trình, quy định nội bộ phù hợp với các quy định pháp lý do nhà nước ban hành.

• **Công tác An toàn VSLĐ, PCCN và phòng chống bão lụt**

- Triển khai thực hiện kiểm tra định kỳ công tác AT-VSLĐ theo kế hoạch tại Công ty và hai Chi nhánh; Tổ chức tốt tuần lễ Quốc gia về AT-VSLĐ.
- Xây dựng Phương án chữa cháy của cơ sở theo Thông tư 66 của Bộ Công an và Tổ chức kiểm tra và duy tu bảo dưỡng các trang thiết bị PCCN. Năm 2015, không xảy ra sự cố cháy nổ nào.
- Trong năm 2015, đã chữa cháy của cơ sở theo Thông tư 66 n 3 huấn luyện công tác PCCC cho đội PCCC của Công ty và được cấp Giấy chứng nhận Huấn luyện Nghiệp vụ Phòng cháy và Chữa cháy năm 2015 (54 NLĐ được cấp chứng chỉ).

Kế hoạch phát triển

Tiếp tục phát huy các kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong những năm qua, năm 2016 Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty dự kiến kế hoạch năm 2016 như sau:

Stt	Chỉ tiêu doanh thu	Đơn vị tính: Tỷ đồng
		Kế hoạch
A	Tổng doanh thu	1.011,813
1	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	1.010,813
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1,000
3	Thu nhập khác	0
B	Các chỉ tiêu tài chính	
1	Lợi nhuận trước thuế	75
2	Lợi nhuận sau thuế	60
3	Cổ tức (%)	Không dưới 22%

Trong năm 2015 và những năm tiếp theo, Công ty đã và sẽ tiếp tục chủ động hợp tác, học hỏi và tích cực tham gia các công tác khảo sát, thiết kế các dự án Điện hạt nhân, các dự án tổng thầu EPC, đồng thời mở rộng sang các lĩnh vực năng lượng tái tạo và các dự án năng lượng khác.

Tiếp tục phấn đấu tìm kiếm thêm việc làm, triển khai hiệu quả để đạt doanh thu cao, thu nhập ổn định và đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế tài chính. Xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh, có thương hiệu trên thị trường trong nước cũng như trên thị trường quốc tế. Công ty đã và đang phối hợp các chủ đầu tư cũng như các công ty tư vấn trong nước và nước ngoài tìm kiếm thị trường quốc tế nhất là tìm kiếm các dự án nguồn điện tại Lào và Campuchia.

Bảo toàn vốn, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, đảm bảo thu nhập bình quân cho người lao động không thấp hơn năm 2015 và cổ tức cho cổ đông không thấp hơn 22%.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

📌 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm qua, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Ban điều hành theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Mặc dù nền kinh tế vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trong kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ giao, kết quả thực hiện cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Họ và Tên	Năm 2015		Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ %	
		Kế hoạch	Thực hiện		So với KH	So với 2014
1	Tổng doanh thu	679,795	730,529	471,097	107	155
2	Lợi nhuận trước thuế	35,000	73,367	46,126	209	159
3	Lợi nhuận sau thuế	27,123	57,060	36,187	210	157
4	Cổ tức	20%	25%	22%	125	113

📌 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Điều hành Công ty đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD của Công ty theo đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty, tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết và quyết định của HĐQT.

Trong quá trình chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thường xuyên duy trì giám sát đối với Ban điều hành thông qua kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ.

Năm 2015 là năm có nhiều khó khăn nhưng với năng lực quản lý, chuyên môn tốt, quyết tâm cao Ban điều hành Công ty đã tăng cường kỷ cương, chỉ đạo quyết liệt có trọng tâm, bám sát nhiệm vụ chính là thực hiện nhiệm vụ SXKD theo các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao.

HĐQT chỉ đạo sửa đổi và bổ sung nhiều quy chế, quy định phục vụ công tác quản lý, điều hành, áp dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và các biện pháp quản lý tiên tiến vào các hoạt động sản xuất và quản lý của Công ty; tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, tiếp xúc và giải quyết tốt hơn các yêu cầu từ phía khách hàng từ đó làm cho mối quan hệ hợp tác giữa Công ty và các chủ đầu tư được cải thiện.

Ban điều hành đã duy trì tốt lịch trình sinh hoạt hàng tuần, tháng, quý, năm và nội dung các cuộc họp, hội nghị tổng kết, ... đã được cải thiện theo chiều hướng hiệu quả hơn.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kế hoạch điều hành SXKD

- HĐQT tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng hoạt động của Công ty, tiếp tục chỉ đạo và phối hợp với Ban Điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, với các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội này.
- Năm 2016, hoạt động SXKD được dự báo tiếp tục chịu nhiều khó khăn, thử thách và rủi ro lớn. Việc huy động vốn đầu tư cho các dự án trong lĩnh vực điện tiếp tục gặp nhiều khó khăn... Vì thế, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã cân nhắc, rà soát kỹ sản lượng của từng đơn vị trong Công ty để chỉ đạo Ban Điều hành tăng cường tìm kiếm thêm việc làm, tăng cường công tác nghiệm thu với mục tiêu chung là phấn đấu để đạt mức cao hơn các chỉ tiêu đã thực hiện trong năm 2015.
- Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	KH Năm 2016
1	Tổng doanh thu	1.011
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	75
3	Lợi nhuận sau thuế	60
4	Cổ tức (%)	Không thấp hơn 22%

Các hoạt động khác

- HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành Công ty nghiên cứu các phương án để đầu tư trụ sở, đầu tư vào các công trình điện, đặc biệt là các Nhà máy Thủy điện, tìm kiếm cơ hội đầu tư thiết bị công nghệ các dự án lưới điện, đầu tư phát triển năng lượng tái tạo mới như điện gió, mặt trời, sinh khối...
- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, quy định của Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới.
- Chỉ đạo việc thực hiện xây dựng Hệ thống mô tả công việc và hệ thống chỉ số đánh giá thực hiện công việc cho từng vị trí chức danh để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giải quyết và ban hành kịp thời các Quyết định, Nghị quyết để Ban Điều hành Công ty làm cơ sở để điều hành tốt các công tác sản xuất kinh doanh, quản lý. Tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Quản lý tốt công nợ, tiếp tục giảm chi phí và chống lãng phí trong mọi hoạt động của Công ty.
- Các nội dung khác trình Đại hội đồng cổ đông.

Biện pháp thực hiện

- Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với Ban Điều hành trong việc quản lý Công ty.
- Hỗ trợ Ban Điều hành trong công tác điều hành cũng như công tác tìm kiếm công ăn, việc làm.
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh với mục tiêu đạt hiệu quả cao nhất.
- Tăng cường giám sát, quản lý tại các Chi nhánh để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu năm giữ cá nhân	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	3.400	0,08	
2	Ninh Viết Định	Thành viên HĐQT			
3	Nguyễn Trọng Năm	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	1.500	0,03	
4	Trương Khắc Len	Thành viên HĐQT	8.000	0,18	

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp và nhiều buổi làm việc, giao ban trực tiếp với Ban Điều hành Công ty nhằm nắm bắt, có các chỉ đạo, ra các Nghị quyết kịp thời liên quan đến chỉ đạo hoạt động SXKD trong năm 2015 và định hướng phát triển dài hạn của Công ty; tiếp tục ban hành các quy chế phục vụ công tác quản lý, điều hành của Công ty đảm bảo sự hoạt động hiệu quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ các quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà nội đối với công ty niêm yết. HĐQT đã hoàn thành trách nhiệm của người quản lý Công ty thông qua việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2015 giao cho, SXKD có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước và các cổ đông, hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và đảm bảo Công ty hoạt động đúng quy định của pháp luật;

Các hoạt động của HĐQT đều đúng theo lịch trình đề ra mỗi quý họp ít nhất một lần để thảo luận, thông qua các chủ trương lớn và giao nhiệm vụ cho Chủ tịch HĐQT giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT trên cơ sở các chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của TGD và Ban Điều hành Công ty phát sinh trong quá trình điều hành SXKD;

Các thành viên HĐQT đều có tinh thần trách nhiệm cao trong việc xây dựng Công ty nói chung và trong việc thực hiện các nhiệm vụ cá nhân đã được phân công;

Trong năm 2015, HĐQT Công ty đã ban hành các Nghị quyết sau đây:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2015/NQ-TV2	11/02/2015	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho NM Nhiệt điện Vĩnh Tân 4.
2	02/2015/NQ-TV2	25/3/2015	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015; Lập quỹ PT khoa học và công nghệ của doanh nghiệp...
3	03/2015/NQ-TV2	17/4/2015	Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị
4	04/2015/NQ-TV2	30/5/2015	Báo cáo kết quả nghiên cứu lựa chọn mô hình hoạt động 2 CN và thành lập Phòng NLTT trực thuộc Công ty; Cử người đại diện phần vốn góp; Lựa chọn đơn vị kiểm toán; Báo cáo hình hình sản xuất kinh doanh 5 tháng đầu năm 2015; Báo cáo công tác chuẩn bị tổ chức Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập công ty...
5	05/2015/NQ-TV2	18/9/2015	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu Gói thầu 3B&3C
6	06/2015/NQ-TV2	31/10/2015	Báo cáo chủ trương đầu tư Dự án thủy điện nhỏ; Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015; Báo cáo các chỉ tiêu tài chính 9 tháng đầu năm 2015; Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ PT khoa học & Công nghệ...
7	07/2015/NQ-TV2	20/11/2015	Phê duyệt đầu tư xây dựng Khu nhà công vụ của TV2 tại số 50A Dân Chủ, Phường Bình Thới, Quận Thủ Đức, TPHCM – Giai đoạn 1
8	08/2015/NQ-TV2	20/11/2015	Về việc ký Phụ lục hợp đồng Gói thầu số 2 phục vụ cho Dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4
9	09/2015/NQ-TV2	25/12/2015	Bổ sung kế hoạch tổng thể thực hiện Hợp đồng EPC và hạng mục dùng chung–Dự án NM NĐ Vĩnh Tân 4
10	10/2015/NQ-TV2	08/01/2015	Tổng kết thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015; Duyệt kết quả thi nâng ngạch Kỹ sư chính; Chuyên viên chính năm 2015; Chủ trương thành lập Ban Quản lý xây dựng; Công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2016...

 **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có**

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu năm giữ cá nhân	Tỷ lệ%	Ghi chú
1	Trịnh Thúy Quỳnh	Trưởng Ban Kiểm soát			
2	Trần Thị Hòa	Thành viên BKS	16.200	0,365	
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên BKS			

Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp; Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát tập trung thực hiện kiểm soát theo các nội dung chính, bao gồm: Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty; Kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng giám đốc, các Chi nhánh, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, lập báo cáo thẩm định báo cáo tài chính (BCTC), báo cáo sản xuất kinh doanh (SXKD), tình hình quản trị công nợ.

Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có Biên bản làm việc của Ban Kiểm soát ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

Một số hoạt động cụ thể của Ban Kiểm soát như sau:

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định.
- Tổ chức các buổi làm việc trực tiếp của các thành viên Ban Kiểm soát với các phòng ban có liên quan của công ty.

+ Ngày 19/8-21/8/2015: Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2015; đánh giá thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, hội đồng quản trị năm 6 tháng năm 2015; rà soát việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản làm việc tháng 3/2015; đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh

6 tháng năm 2015 của HĐQT, Ban TGD và các nội dung khác có liên quan.

+ Ngày 30/3-31/03/2016: Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015; đánh giá thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, Hội đồng quản trị năm 2015; rà soát việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản làm việc tháng 8/2015; đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2015 của HĐQT, Ban TGD và các nội dung khác có liên quan...

– Tham gia công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2015, đảm bảo việc tổ chức ĐHCĐ theo đúng quy định hiện hành.

– Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu với Công ty và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Thành viên Ban Kiểm soát cũng đã tích cực học tập, nâng cao nghiệp vụ:

– Ngày 14-18/3/2016: Tham gia Hội nghị giao ban công tác kiểm soát và lớp đào tạo tập huấn nâng cao nghiệp vụ Kiểm soát năm 2016 do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (cổ đông lớn của Công ty) tổ chức.

– Tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức chuyên môn và các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

➤ **Kết quả kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015**

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2014 (tỷ đồng)	KH năm 2015 (tỷ đồng)	TH năm 2015 (tỷ đồng)	Tỷ lệ	
					Kế hoạch	Cùng kỳ
A	B	(1)	(2)	(3)	(3)/(2)	(3)/(1)
1	Tổng doanh thu	471,097	679,795	708,402	104,21%	150,37%
2	Lợi nhuận trước thuế	63,004	35,000	73,366	209,62%	116,45%
3	Lợi nhuận sau thuế	49,352	27,123	57,060	210,37%	115,62%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	10.318		12.561		121,74%
5	Tỷ lệ cổ tức (%)	22	20	25		

Trong năm 2015, Công ty đã có cố gắng nỗ lực trong tìm kiếm công việc, tăng doanh thu cung cấp dịch vụ, kết quả sản xuất kinh doanh có lãi. Chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều vượt mức ĐHCĐ thường niên 2015 giao và cao hơn năm 2014. Lãi cơ bản/CP năm 2015 đạt 12.561 đồng.

➤ **Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT và Ban điều hành**

– Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ (05 cuộc họp vào các ngày 25/3/2015, 17/4/2015, 30/5/2015, 31/10/2015 và 08/01/2016) để thống nhất một số nội dung quan trọng như: xem xét kết quả SXKD, lập kế hoạch và

điều chỉnh kế hoạch SXKD, công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên, công tác quy hoạch đất đai và đầu tư, công tác tổ chức nhân sự, công tác tổ chức các phòng, ban cho phù hợp với tình hình mới,... Ngoài ra, HĐQT còn thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền khác dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản.

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT theo đúng chức năng và thẩm quyền.
- Ban Kiểm soát cho rằng HĐQT Công ty đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và lên kế hoạch cho năm 2016, công tác nghiệm thu và thu hồi công nợ, các công tác quản lý và các mặt hoạt động khác. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Ban Kiểm soát ghi nhận chưa phát hiện được điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

✚ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- **Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị**

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương (Triệu đồng)	Thù lao (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch kiêm TGD	324.000	84.000	
2	Ninh Viết Định	Thành viên		60.000	
3	Nguyễn Trọng Nam	Thành viên		60.000	
4	Trương Khắc Len	Thành viên		60.000	

- **Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Ban Kiểm soát:**

S T T	Họ và Tên	Chức vụ	Lương (Triệu đồng)	Thù lao (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Trịnh Thúy Quỳnh	Trưởng Ban		48.000	
2	Trần Thị Hòa	Thành viên		36.000	
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên		36.000	

✚ **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan:**
Không có

✚ **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

✚ **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Để tăng cường minh bạch và nâng cao chất lượng hoạt động, Công ty đã điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản trị Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Thông tư của Bộ Tài Chính quy định về quản trị công ty đối với công ty đại chúng và các quy định về quản trị được tuân thủ thực hiện từ lãnh đạo cấp cao đến nhân viên tại Công ty.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các báo cáo quản trị định kỳ (theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC và Thông tư 155/2015/TT_BTC).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Chơn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



Tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 từ trang 6 đến trang 50 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 17/04/2015
Ông Phạm Văn Thảo	Chủ tịch	Từ nhiệm từ ngày 17/04/2015
Ông Ninh Viết Định	Thành viên	
Ông Nguyễn Trọng Nam	Thành viên	
Ông Trương Khắc Len	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Trịnh Thúy Quỳnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên
Bà Trần Thị Hòa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Lâm	Phó Tổng Giám đốc

Trưởng phòng Tài chính Kế toán của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Thị Ngọc Lý.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2015 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Chơn Hùng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2016

Số. 85 /2016/UHYACA-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16/03/2016, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Công ty Kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần cho Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty trong Báo cáo kiểm toán ngày 23/03/2015.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 0798-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA (UHY ACA LTD)

Tp. Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2016

Lương Ngô Bảo Trân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2014-112-1


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		607.741.414.003	510.903.856.934
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	204.385.856.331	177.681.264.276
Tiền	111		30.588.606.331	9.435.317.088
Các khoản tương đương tiền	112		173.797.250.000	168.245.947.188
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	80.000.000.000	133.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		80.000.000.000	133.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273.632.645.008	156.818.521.240
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	183.342.350.064	139.503.685.349
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		112.479.048.482	46.309.530.940
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.806.889.237	4.349.786.406
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(26.997.549.855)	(33.349.068.633)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.907.080	4.587.178
Hàng tồn kho	140		47.537.995.590	42.717.309.675
Hàng tồn kho	141	10	47.537.995.590	42.717.309.675
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.184.917.074	686.761.743
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.184.917.074	686.761.743
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.346.470.340	42.012.221.523
Các khoản phải thu dài hạn	210		580.250.458	179.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	353.150.458	-
Phải thu dài hạn khác	216	8	227.100.000	179.000.000
Tài sản cố định	220		25.688.325.805	21.081.000.469
Tài sản cố định hữu hình	221	12	17.913.997.694	13.324.678.467
- Nguyên giá	222		78.940.020.768	70.236.903.257
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.026.023.074)	(56.912.224.790)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	47.724.699
- Nguyên giá	225		-	80.900.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(33.175.301)
Tài sản cố định vô hình	227	13	7.774.328.111	7.708.597.303
- Nguyên giá	228		11.477.544.295	10.738.843.640
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.703.216.184)	(3.030.246.337)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.168.981.501	309.102.206
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.168.981.501	309.102.206
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	18.406.850.600	18.406.850.600
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		18.406.850.600	18.406.850.600
Tài sản dài hạn khác	260		8.502.061.976	2.036.268.248
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.870.002.442	1.639.922.220
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	6.632.059.534	396.346.028
TỔNG TÀI SẢN	270		662.087.884.343	552.916.078.457


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		492.499.172.214	426.743.236.410
Nợ ngắn hạn	310		459.906.260.193	419.602.875.407
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	49.915.260.457	34.924.131.557
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		71.466.599.563	218.176.598.283
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	46.509.693.246	30.883.790.490
Phải trả người lao động	314		164.352.730.747	89.471.583.501
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	46.979.555.392	4.483.190.319
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		353.905.461	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	6.029.165.658	7.330.754.644
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	34.410.814.864	27.223.934.574
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	33.201.766.022	2.224.641.556
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.686.768.783	4.884.250.483
Nợ dài hạn	330		32.592.912.021	7.140.361.003
Phải trả người bán dài hạn	331		434.270.164	7.331.879
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		2.559.139.862	7.133.029.124
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	8.492.263.010	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	19.567.238.985	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.540.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.588.712.129	126.172.842.047
Vốn chủ sở hữu	410	22	169.538.183.381	126.122.313.299
Vốn góp của chủ sở hữu	411		44.390.000.000	44.390.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.857.682.530	8.857.682.530
Cổ phiếu quỹ	415		(345.866.310)	(345.866.310)
Quỹ đầu tư phát triển	418		34.719.967.727	23.863.967.727
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.911.785.234	49.352.306.152
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.851.481.152	49.352.306.152
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		57.060.304.082	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		4.614.200	4.223.200
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.528.748	50.528.748
Nguồn kinh phí	431		50.528.748	50.528.748
TỔNG NGUỒN VỐN	440		662.087.884.343	552.916.078.457

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2016


Hoàng Thụy Hoài Yên
Người lập biểu


Bùi Thị Ngọc Lý
Trưởng phòng TCKT


Nguyễn Chơn Hùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	708.402.352.700	471.097.454.532
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		708.402.352.700	471.097.454.532
Giá vốn hàng bán	11	24	573.892.495.289	374.819.835.438
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		134.509.857.411	96.277.619.094
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	17.306.715.571	8.995.177.624
Chi phí tài chính	22	26	3.187.397.300	2.041.176.472
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.296.149.575</i>	<i>1.310.275.619</i>
Chi phí bán hàng	25	27	20.684.209.334	115.431.100
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	58.731.831.353	39.992.192.294
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.213.134.995	63.123.996.852
Thu nhập khác	31	28	4.820.276.448	1.510.315.285
Chi phí khác	32	29	666.829.013	1.630.055.920
Lợi nhuận khác	40		4.153.447.435	(119.740.635)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		73.366.582.430	63.004.256.217
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	22.541.991.854	14.048.296.093
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(6.235.713.506)	(396.346.028)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		57.060.304.082	49.352.306.152
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	12.561	10.318
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	12.561	10.318

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2016



Nguyễn Minh Thu
Người lập biểu



Bùi Thị Ngọc Lý
Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Chơn Hùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	73.366.582.430	63.004.256.217
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.405.663.739	7.161.960.470
Các khoản dự phòng	03	44.192.844.673	2.731.636.999
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.808.683.411)	(201.474.415)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(14.914.155.522)	(8.387.599.762)
Chi phí lãi vay	06	2.296.149.575	1.310.275.619
Các điều chỉnh khác	07	1.540.000.000	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	111.078.401.484	65.619.055.128
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(111.040.658.374)	(5.303.210.226)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.820.685.915)	10.495.312.828
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.155.467.346)	140.313.763.192
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.728.235.553)	120.125.427
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.079.641.628)	(1.299.460.287)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.329.256.623)	(7.496.653.001)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	368.902.950	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.281.599.200)	(5.563.050.805)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35.988.240.205)	196.885.882.256
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.393.050.795)	(5.748.822.459)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	38.381.818	226.400.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.000.000.000)	(122.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	57.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.951.773.680	7.723.331.265
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	56.597.104.703	(119.799.091.194)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	93.239.140.509	81.875.953.068
Tiền trả nợ gốc vay	34	(77.559.997.209)	(67.942.525.804)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(36.190.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.597.020.000)	(13.375.084.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.082.123.300	522.153.159
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	26.690.987.798	77.608.944.221
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	177.681.264.276	99.870.845.640
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	13.604.257	201.474.415
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	204.385.856.331	177.681.264.276

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Minh Thu
Người lập biểu

Bùi Thị Ngọc Lý
Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Chơn Hùng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 09 tháng 12 năm 2013.

Vốn điều lệ của Công ty là 44.390.000.000 đồng chia thành 4.439.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 10 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết 4.439.000 cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: TV2.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ tư vấn, gia công cơ khí.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng các công trình nguồn điện, thủy lợi và các công trình công cộng, dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện;
- Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường; Nhận thầu khai thác, tinh chế, lọc nước phục vụ sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh; Tư vấn môi trường; Tư vấn giải pháp công nghệ sản xuất sạch, thiết lập cơ chế sản xuất sạch;
- Khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không hoạt động tại TP.HCM);
- Chế tạo thiết bị cơ khí. Mạ kẽm nhúng nóng cột điện thép, phụ kiện điện và các sản phẩm kim loại (không sản xuất tại trụ sở công ty);
- Mua bán vật tư thiết bị xây dựng;
- Kiểm định chất lượng xây dựng công trình và các dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện lực, công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất phụ kiện, dụng cụ chuyên ngành điện, gia công cột điện các loại, cột ăng ten viễn thông (không sản xuất tại trụ sở công ty);
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (trừ súng đạn, vũ khí thô sơ);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao: Sân vận động bóng đá, sân cầu lông, sân bóng bàn, sân bóng chuyên, sân tennis;
- Hoạt động thể thao khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, do đó các công trình có thể kéo dài trên 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỶ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế.

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp các công trình điện cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh.

Công ty có hai Chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc, gồm:

- Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam
Địa chỉ: 45 Dân Chủ, Khu phố 2, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.
- Xí nghiệp Cơ Điện
Địa chỉ: 45 Đường số 2, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, ngoại trừ một số thay đổi theo quy định của Thông tư 200.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu và các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Công ty thực hiện trích lập các khoản dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 05
- Phương tiện vận tải	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Phần mềm máy vi tính	03 - 05
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.	

Đối với tài sản là phần mềm thiết kế của Văn phòng Công ty đang được khấu hao nhanh 02 lần so với mức thời gian khấu hao thông thường theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

4.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.10 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.11 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Vốn khác được ghi nhận tương ứng giá trị quyết toán nguồn hình thành tài sản cố định từ quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị ghi nhận thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.13 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.14 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác nhận khối lượng hoàn thành, biên bản quyết toán, bàn giao sản phẩm hoàn thành được bên A chấp nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.14 NGUYÊN TẮC Ghi nhận Doanh thu, Chi phí (TIẾP)Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hoạt động xây lắp được kết chuyển phù hợp với khối lượng hoàn thành và doanh thu đã ghi nhận. Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế và cơ khí được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với doanh thu ghi nhận.

4.15 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), các đơn vị trực thuộc, các công ty con, các công ty liên doanh và các công ty liên kết của EVN, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các Cổ đông ty nắm giữ phần vốn góp đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	363.027.506	548.123.274
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.225.578.825	8.887.193.814
Các khoản tương đương tiền (*)	173.797.250.000	168.245.947.188
Cộng	204.385.856.331	177.681.264.276

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 5%/năm đối với VND và 0%/năm với USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	80.000.000.000	80.000.000.000	133.000.000.000	133.000.000.000
Dài hạn				
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế (**)	1.656.850.600	1.656.850.600	1.656.850.600	1.656.850.600
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (***)	16.750.000.000	16.750.000.000	16.750.000.000	16.750.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4%/năm đến 6,5%/năm.

(**) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chiếm tỷ lệ 0,45% trên vốn điều lệ cùng quyền biểu quyết tương ứng.

(***) Khoản góp vốn vào Công ty Thủy điện Buôn Đôn chiếm tỷ lệ 5% trên vốn điều lệ cùng quyền biểu quyết tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	183.342.350.064	139.503.685.349
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	20.653.638.778	9.951.393.785
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân	60.218.240.417	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	102.470.470.869	129.552.291.564
Phải thu của khách hàng dài hạn	353.150.458	-
- Ban Quản lý Dự án CCTĐ Miền Trung	139.930.200	-
- Ban Quản lý Dự án CCTĐ Miền Bắc	213.220.258	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	143.178.166.790	62.295.586.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	4.806.889.237	2.626.920.438	4.349.786.406	-
- Tạm ứng	660.189.219	-	588.114.371	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	407.289.668	-	589.191.865	-
- Phải thu người lao động	-	-	90.484.373	-
- Thu hộ hợp đồng 30/11/2011 (EPT)	2.626.920.438	2.626.920.438	2.626.920.438	-
- Vật tư công trình thác mư	338.910.091	-	-	-
- Phải thu Cục thuế Bà Rịa Vũng Tàu về thuế chuyển quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ	127.730.682	-	127.730.682	-
- Phải thu khác	645.849.139	-	327.344.677	-
Dài hạn	227.100.000	-	179.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	227.100.000	-	179.000.000	-
Cộng	5.033.989.237	2.626.920.438	4.528.786.406	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	37.503.926.990	10.506.377.135	47.530.776.525	14.181.707.892
Ban điều hành Thủy điện Buôn Kuốp	2.511.413.412	731.227.230	1.048.958.953	-
Ban QLDA Thủy điện 6	6.355.341.343	4.448.738.940	2.340.410.635	560.000.000
Ban QLDA Thủy điện 5	2.594.881.580	1.168.137.102	5.285.302.090	3.046.781.391
Công ty CP Năng lượng AGRITA - Quảng Nam	7.774.806.660	143.272.291	7.774.806.660	143.272.291
Ban QLDA Thủy điện Đồng Nai 5	2.938.662.690	476.193.788	1.565.559.039	78.537.941
Các đối tượng khác	15.328.821.305	3.538.807.784	29.515.739.148	10.353.116.269
Cộng	37.503.926.990	10.506.377.135	47.530.776.525	14.181.707.892

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.355.555.662	-	5.012.975.011	-
Công cụ, dụng cụ	378.669.248	-	296.937.925	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.845.432.387	-	35.823.266.593	-
Thành phẩm	-	-	79.200.087	-
Hàng hóa	1.958.338.293	-	1.504.930.059	-
Cộng	47.537.995.590	-	42.717.309.675	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	2.184.917.074	686.761.743
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	367.378.042	229.649.309
- Các khoản khác	1.817.539.032	457.112.434
Dài hạn	1.870.002.442	1.639.922.220
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	599.488.030	1.181.227.318
- Chi phí trả trước khác	1.270.514.412	458.694.902
Cộng	4.054.919.516	2.326.683.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2015	18.069.255.494	25.821.137.970	21.759.206.376	4.240.656.985	346.646.432	70.236.903.257
- Mua trong năm	-	2.979.935.893	4.904.756.220	411.660.000	-	8.296.352.113
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.656.481.762	-	-	-	-	1.656.481.762
- Tặng khác	321.454.545	-	-	80.900.000	-	402.354.545
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.398.258.017)	(180.115.619)	(73.697.273)	-	(1.652.070.909)
Tại 31/12/2015	<u>20.047.191.801</u>	<u>27.402.815.846</u>	<u>26.483.846.977</u>	<u>4.659.519.712</u>	<u>346.646.432</u>	<u>78.940.020.768</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2015	10.862.340.373	23.563.638.341	19.468.767.746	2.805.058.007	212.420.323	56.912.224.790
- Khấu hao trong năm	765.068.674	1.740.620.160	2.582.854.227	612.838.223	13.146.360	5.714.527.644
- Tặng khác	4.689.234	-	-	46.652.315	-	51.341.549
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.398.258.017)	(180.115.619)	(73.697.273)	-	(1.652.070.909)
Tại 31/12/2015	<u>11.632.098.281</u>	<u>23.906.000.484</u>	<u>21.871.506.354</u>	<u>3.390.851.272</u>	<u>225.566.683</u>	<u>61.026.023.074</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2015	<u>7.206.915.121</u>	<u>2.257.499.629</u>	<u>2.290.438.630</u>	<u>1.435.598.978</u>	<u>134.226.109</u>	<u>13.324.678.467</u>
Tại 31/12/2015	<u>8.415.093.520</u>	<u>3.496.815.362</u>	<u>4.612.340.623</u>	<u>1.268.668.440</u>	<u>121.079.749</u>	<u>17.913.997.694</u>

Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2015: 559.000.000 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015: 45.814.992.113 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2015	7.737.202.787	3.001.640.853	10.738.843.640
- Mua trong năm	-	1.060.155.200	1.060.155.200
- Phân loại lại tài sản cố định vô hình sang tài sản cố định hữu hình	(321.454.545)	-	(321.454.545)
Tại 31/12/2015	<u>7.415.748.242</u>	<u>4.061.796.053</u>	<u>11.477.544.295</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2015	170.239.775	2.860.006.562	3.030.246.337
- Trích khấu hao trong năm	133.135.271	544.523.810	677.659.081
- Phân loại lại tài sản cố định vô hình sang tài sản cố định hữu hình	(4.689.234)	-	(4.689.234)
Tại 31/12/2015	<u>298.685.812</u>	<u>3.404.530.372</u>	<u>3.703.216.184</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2015	<u>7.566.963.012</u>	<u>141.634.291</u>	<u>7.708.597.303</u>
Tại 31/12/2015	<u>7.117.062.430</u>	<u>657.265.681</u>	<u>7.774.328.111</u>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015: 2.848.288.353 đồng.

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Tại 31/12/2015</u>	<u>Tại 01/01/2015</u>
	Giá gốc <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	1.168.981.501	309.102.206
Mua sắm	-	-
Xây dựng cơ bản	1.168.981.501	309.102.206
Khu văn phòng làm việc và lưu trú tại huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	33.617.900	-
Dự án cải tạo mở rộng khu nhà làm việc 32 Ngô Thời Nhiệm	22.313.484	-
Các công trình khác	1.113.050.117	309.102.206
Cộng	<u>1.168.981.501</u>	<u>309.102.206</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.632.059.534	396.346.028
Cộng	<u>6.632.059.534</u>	<u>396.346.028</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	49.915.260.457	49.915.260.457	34.924.131.557	34.924.131.557
FICHTNER	5.134.025.960	5.134.025.960	-	-
Atlas Copco Wuxi	5.271.619.136	5.271.619.136	-	-
Các đối tượng khác	39.509.615.361	39.509.615.361	34.924.131.557	34.924.131.557
Các khoản phải trả người bán dài hạn	434.270.164	434.270.164	-	-
Công ty Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ - Chi nhánh Miền Nam	434.270.164	434.270.164	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	242.644.434	242.644.434	81.352.580	81.352.580
Khách sạn điện lực	27.057.500	27.057.500	25.402.000	25.402.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	159.636.354	159.636.354	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	55.950.580	55.950.580	55.950.580	55.950.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	19.224.784.353	49.848.113.644	39.943.556.533	29.129.341.464
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	9.092.133	9.092.133	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.305.123.418	22.602.815.404	17.329.256.623	16.578.682.199
- Thuế thu nhập cá nhân	353.882.719	7.034.835.521	6.587.048.657	801.669.583
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	565.069.232	565.069.232	-
- Các loại thuế khác	-	6.625.914.808	6.625.914.808	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	113.189.286	113.189.286	-
Cộng	30.883.790.490	86.799.030.028	71.173.127.272	46.509.693.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Ngắn hạn	46.979.555.392	4.483.190.319
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	267.687.613	52.686.331
Trích trước chi phí công trình	3.529.742.706	4.033.419.013
Trích trước chi phí công trình hợp đồng EPC Vĩnh Tân 4	42.906.632.992	-
Chi phí phải trả khác	275.492.081	397.084.975
Dài hạn	-	-
Cộng	46.979.555.392	4.483.190.319

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Ngắn hạn	6.029.165.658	7.330.754.644
Tài sản thừa chờ giải quyết	3.707.252	57.387.755
Kinh phí công đoàn	2.155.420.533	2.297.130.359
Bảo hiểm xã hội	442.933.162	161.297.000
Bảo hiểm y tế	45.259.293	6.536.003
Bảo hiểm thất nghiệp	25.134.860	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.356.710.558	4.808.403.527
+ Đoàn phí công đoàn	1.045.184.745	1.885.055.231
+ Phải trả cổ tức	1.164.624.487	1.084.484.575
+ Phải trả EVN - phí bản quyền Autocard	-	567.758.000
+ Khoản nhận đóng góp từ cán bộ công nhân viên	372.986.951	283.706.951
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	773.914.375	987.398.770
Dài hạn	-	-
Cộng	6.029.165.658	7.330.754.644

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	Giá trị	Tại 01/01/2015		Trong năm		Tại 31/12/2015	
		Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	27.223.934.574	27.223.934.574	83.024.975.233	75.838.094.943	34.410.814.864	34.410.814.864	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)	27.223.934.574	27.223.934.574	76.688.375.192	70.541.494.902	33.370.814.864	33.370.814.864	
Vay cán bộ công nhân viên (**)	-	-	6.336.600.041	5.296.600.041	1.040.000.000	1.040.000.000	
Vay dài hạn	-	-	10.214.165.276	1.721.902.266	8.492.263.010	8.492.263.010	
Vay cán bộ công nhân viên (**)	-	-	10.214.165.276	1.721.902.266	8.492.263.010	8.492.263.010	
Cộng	27.223.934.574	27.223.934.574	93.239.140.509	77.559.997.209	42.903.077.874	42.903.077.874	

(*): Là khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn số 01/2015/93115/HĐTD ngày 05/03/2015:

- Hạn mức vay tín dụng: 40.000.000.000 đồng;

- Lãi suất: 6,72/năm đến 7,5%/năm;

- Hình thức đảm bảo tiền vay: thế chấp, cầm cố dây chuyền thiết bị tại Xí nghiệp Cơ Điện.

(**) Là khoản vay cán bộ công nhân viên, theo lãi suất 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	33.201.766.022	2.224.641.556
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	2.282.077.680	1.340.825.046
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	883.816.510
Dự phòng phải trả khác (*)	30.919.688.342	-
Dài hạn	19.567.238.985	-
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (**)	19.567.238.985	-
Cộng	52.769.005.007	2.224.641.556

(*) Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đang trích chi phí dự phòng rủi ro với tỷ lệ 10% trên giá thành của công trình EPC-Vĩnh Tân 4 với số tiền là 30.919.688.342 đồng theo Quyết định số 1059/QĐ-TV2 của Tổng Giám đốc. Tỷ lệ trích lập Công ty thực hiện là 10% bao gồm:

- 5%: Hệ số trích lập chi phí dự phòng cho công việc phát sinh: được tính theo Thông tư số 04/2010/TT-BXD do Bộ Xây dựng ban hành ngày 26/05/2010.
- 5%: Theo hệ số trượt giá: Dựa trên các chi phí có thể phát sinh thêm. (Ước tính của kế toán).

(**) Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đang thực hiện trích lập bảo hành công trình xây dựng 5%, dựa trên điều khoản hợp đồng EPC - Vĩnh Tân 4 về bảo hành công trình số tiền là 19.567.238.985 đồng.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**22.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	51,26%	22.754.900.000	51,26%	22.754.900.000
Tổ chức America LLC	9,92%	4.402.000.000	7,04%	3.126.000.000
Các cổ đông khác	37,91%	16.828.100.000	40,78%	18.104.100.000
Cổ phiếu quỹ	0,91%	405.000.000	0,91%	405.000.000
Cộng	100%	44.390.000.000	100%	44.390.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	44.390.000.000	44.390.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	44.390.000.000	44.390.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.597.020.000	13.375.084.105

22.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2015 Cổ phiếu	Tại 01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.439.000	4.439.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.439.000	4.439.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.439.000	4.439.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	40.500	40.500
+ Cổ phiếu phổ thông	40.500	40.500
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.398.500	4.398.500
+ Cổ phiếu phổ thông	4.398.500	4.398.500
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2014	44.390.000.000	7.123.861.743	(345.866.310)	16.810.702.499	3.815.200	19.315.284.246	87.297.797.378
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	49.352.306.152	49.352.306.152
- Trích lập các quỹ	-	-	-	8.218.043.662	-	(8.218.043.662)	-
- Chi trả cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(8.797.000.000)	(8.797.000.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.931.528.425)	(1.931.528.425)
- Trích quỹ thường ban điều hành	-	-	-	-	-	(368.712.159)	(368.712.159)
- Trích quỹ khác	-	-	-	-	408.000	-	408.000
- Kết chuyển nguồn đầu tư tài sản	-	1.733.820.787	-	(1.733.820.787)	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(3.869.957.647)	-	-	(3.869.957.647)
- Phân loại lại quỹ dự phòng tài chính theo Thông tư 200	-	-	-	4.439.000.000	-	-	4.439.000.000
31/12/2014	44.390.000.000	8.857.682.530	(345.866.310)	23.863.967.727	4.223.200	49.352.306.152	126.122.313.299
01/01/2015	44.390.000.000	8.857.682.530	(345.866.310)	23.863.967.727	4.223.200	49.352.306.152	126.122.313.299
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	57.060.304.082	57.060.304.082
- Trích quỹ khác	-	-	-	-	391.000	-	391.000
- Trích lập các quỹ	-	-	-	10.856.000.000	-	(10.856.000.000)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.676.700.000)	(9.676.700.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	-	(3.968.125.000)	(3.968.125.000)
31/12/2015	44.390.000.000	8.857.682.530	(345.866.310)	34.719.967.727	4.614.200	81.911.785.234	169.538.183.381

Trong năm 2015, Công ty phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 01/2015/NQ-ĐHCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu	708.402.352.700	471.097.454.532
Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	592.656.006.555	401.220.453.258
Doanh thu hoạt động gia công cơ khí	115.542.368.861	69.821.946.274
Doanh thu bán hàng hóa	115.345.000	55.055.000
Doanh thu khác	88.632.284	-
Cộng	708.402.352.700	471.097.454.532
Doanh thu với các bên liên quan	565.711.550.524	275.328.887.470

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế	473.461.359.791	311.431.406.498
Giá vốn hoạt động gia công cơ khí	100.325.345.498	63.482.503.375
Giá vốn về bán hàng hóa	105.790.000	44.686.851
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(138.761.286)
Cộng	573.892.495.289	374.819.835.438

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.721.430.692	5.492.510.336
Chiết khấu thanh toán	3.231.086	2.996.325
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.030.376.000	2.689.224.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	742.994.382	525.964.466
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.808.683.411	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	284.482.497
Cộng	17.306.715.571	8.995.177.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	2.296.149.575	1.310.275.619
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	872.920.383	402.267.128
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	201.474.415
Chi phí tài chính khác	18.327.342	127.159.310
Cộng	3.187.397.300	2.041.176.472

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	58.731.831.353	39.992.192.294
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng	4.282.798.491	2.516.197.704
Chi phí nhân viên quản lý	27.196.047.860	9.673.238.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.016.128.184	790.973.811
Thuế phí, lệ phí	3.490.723.694	1.213.486.733
Chi phí dự phòng	(6.351.518.778)	2.870.398.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.158.689.085	3.563.637.503
Chi phí bằng tiền khác	19.517.101.749	15.035.389.546
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.421.861.068	4.328.870.458
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	20.684.209.334	115.431.100
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng	8.545.564	4.509.369
Chi phí nhân viên quản lý	35.521.000	48.139.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.341.619	64.476.588
Chi phí dự phòng	20.508.491.619	(38.801.570)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.263.132	11.227.222
Chi phí bằng tiền khác	22.046.400	25.880.000
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(6.351.518.778)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(6.351.518.778)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hỗ trợ xuất bản tài liệu	1.630.246.122	204.841.756
Thu từ thanh lý tài sản, vật tư	42.481.818	554.918.780
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng đặt máy ATM	91.639.046	74.360.811
Thu bồi thường từ bảo hiểm Công trình TBA 110kv Gò Vấp 2	-	521.178.672
Thu nhập từ khoản trích trước chi phí quan trắc hàng năm - Dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận	2.152.282.854	-
Hoàn nhập bảo hành các công trình	883.816.510	129.601.026
Thu nhập khác	19.810.098	25.414.240
Cộng	4.820.276.448	1.510.315.285

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	409.644.172
Chi phí xuất bản tài liệu	376.239.481	145.361.077
Chi phí xử lý tường chắn TBA 110kv Gò Vấp 2	-	758.000.000
Nộp phạt và nộp bổ sung về thuế	217.438.936	314.223.619
Các khoản chi phí khác	73.150.596	2.827.052
Cộng	666.829.013	1.630.055.920

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73.366.582.430	63.004.256.217
Các khoản điều chỉnh tăng	31.782.947.776	3.499.135.115
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.685.930.868)	(2.647.500.000)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	102.463.599.338	63.855.891.332
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.541.991.854	14.048.296.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(6.235.713.506)	(396.346.028)
Cộng	(6.235.713.506)	(396.346.028)

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	57.060.304.082	49.352.306.152
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.808.683.411)	(3.968.125.000)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại</i>	<i>(1.808.683.411)</i>	-
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	<i>(3.968.125.000)</i>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	4.398.500	4.398.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	12.561	10.318

Trong năm 2015, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm

33. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	57.060.304.082	49.352.306.152
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.808.683.411)	(3.968.125.000)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại</i>	<i>(1.808.683.411)</i>	-
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	<i>(3.968.125.000)</i>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	4.398.500	4.398.500
Số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	12.561	10.318

Trong năm 2015, lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	92.561.760.490	54.820.408.163
Chi phí nhân công	246.682.572.810	201.456.496.389
Khấu hao tài sản cố định	6.405.663.739	7.161.960.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	214.745.249.589	82.581.462.312
Chi phí khác	89.829.665.142	75.133.853.376
Cộng	650.224.911.770	421.154.180.710

35. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
Tài sản nhận giữ hộ:		
<i>Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công nhận ủy thác (VND)</i>	100.536.509	8.132.265.984
Ngoại tệ các loại		
<i>USD</i>	2.935.115,92	1.661.204,56
<i>RUB</i>	7.520	7.520
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	543.856.991	543.856.991

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.16.

TÀI SẢN ĐẢM BẢO***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Trong năm, Công ty sử dụng tài sản tài chính để thế chấp cho khoản vay theo thuyết minh số 20.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ban Tổng Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ được cung cấp biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015			
Vay và nợ thuê tài chính	34.410.814.864	8.492.263.010	42.903.077.874
Phải trả người bán và phải trả khác	52.230.493.522	434.270.164	52.664.763.686
Chi phí phải trả	46.979.555.392	-	46.979.555.392
Cộng	133.620.863.778	8.926.533.174	142.547.396.952
Tại 01/01/2015			
Vay và nợ thuê tài chính	27.223.934.574	-	27.223.934.574
Phải trả người bán và phải trả khác	37.904.867.608	7.331.879	37.912.199.487
Chi phí phải trả	4.483.190.319	-	4.483.190.319
Cộng	69.611.992.501	7.331.879	69.619.324.380

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	204.385.856.331	-	204.385.856.331
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	80.000.000.000	-	80.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	160.491.500.227	580.250.458	161.071.750.685
Đầu tư dài hạn	-	18.406.850.600	18.406.850.600
Cộng	444.877.356.558	18.987.101.058	463.864.457.616
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	177.681.264.276	-	177.681.264.276
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	133.000.000.000	-	133.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.916.288.751	179.000.000	110.095.288.751
Đầu tư dài hạn	-	18.406.850.600	18.406.850.600
Cộng	420.597.553.027	18.585.850.600	439.183.403.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chủ yếu của Công ty được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Năm 2015	Hoạt động	Hoạt động gia	Hoạt động	Hoạt động khác	Cộng
	khảo sát thiết kế	công cơ khí	bán hàng hóa		
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	592.656.006.555	115.542.368.861	115.345.000	88.632.284	708.402.352.700
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	592.656.006.555	115.542.368.861	115.345.000	88.632.284	708.402.352.700
Giá vốn bộ phận	473.461.359.791	100.325.345.498	105.790.000	-	573.892.495.289
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	119.194.646.764	15.217.023.363	9.555.000	88.632.284	134.509.857.411
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	-	-	-	-	134.509.857.411
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	17.306.715.571
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(3.187.397.300)
Thu nhập khác	-	-	-	-	4.820.276.448
Chi phí khác	-	-	-	-	(80.082.869.700)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(22.541.991.854)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	6.235.713.506
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	57.060.304.082
Tại ngày 31/12/2015					
Tài sản bộ phận	624.664.032.250	37.423.852.093	-	-	662.087.884.343
Tổng tài sản	624.664.032.250	37.423.852.093	-	-	662.087.884.343
Nợ phải trả của các bộ phận	467.435.112.910	25.064.059.304	-	-	492.499.172.214
Tổng nợ phải trả	467.435.112.910	25.064.059.304	-	-	492.499.172.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2014	Hoạt động	Hoạt động gia	Hoạt động	Hoạt động khác	Cộng
	khảo sát thiết kế VND	công cơ khí VND	bán hàng hóa VND	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	401.220.453.258	69.821.946.274	55.055.000	-	471.097.454.532
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	401.220.453.258	69.821.946.274	55.055.000	-	471.097.454.532
Giá vốn bộ phận	311.431.406.498	63.343.742.089	44.686.851	-	374.819.835.438
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89.789.046.760	6.478.204.185	10.368.149	-	96.277.619.094
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	-	-	-	-	96.277.619.094
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	8.995.177.624
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(2.041.176.472)
Thu nhập khác	-	-	-	-	1.510.315.285
Chi phí khác	-	-	-	-	(41.737.679.314)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(14.048.296.093)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	396.346.028
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	49.352.306.152
Tại 31/12/2014					
Tài sản bộ phận	518.553.154.906	34.362.923.551	-	-	552.916.078.457
Tổng tài sản	518.553.154.906	34.362.923.551	-	-	552.916.078.457
Nợ phải trả của các bộ phận	404.740.105.648	22.003.130.762	-	-	426.743.236.410
Tổng nợ phải trả	404.740.105.648	22.003.130.762	-	-	426.743.236.410

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có dự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

38. CÁC THÔNG TIN KHÁC

38.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư các bên liên quan

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Các khoản phải thu		
Phải thu khách hàng		
Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	1.746.374.619	1.746.374.619
Ban QLDA CCTĐ Miền Bắc	11.030.528.852	5.070.177.718
Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	3.703.657.542	10.019.863.474
Ban QLDA Lưới điện TP. HCM	3.917.911.776	7.841.558.593
Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	844.972.428	1.276.806.623
Ban QLDA Thủy điện 1	44.476.695	44.476.695
Ban QLDA thủy điện 5	5.760.091.324	5.967.453.817
Ban QLDA thủy điện 6	20.653.638.778	9.951.393.785
Công ty Truyền tải điện 1	956.276.772	1.047.163.587
Công ty Truyền tải điện 2	3.947.842.285	3.654.063.483
Công ty Truyền tải điện 4	4.647.699.420	9.280.520.089
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	1.082.330.081	1.082.330.081
Công ty Thủy điện Hòa Bình	320.052.895	65.798.171
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4	-	179.329.892
Công ty Thủy điện Huội Quảng-Bản Chất	1.221.660.000	908.356.400
Công ty CP Thủy điện ĐN-HT-ĐM	-	1.754.951.033
Công ty Cổ phần Thủy điện An Khê-KaNak	2.953.070.776	3.000.000
Công ty Thủy điện Thác Mơ	-	358.029.825
Ban QLDA đưa điện lưới ra huyện đảo Cô Tô	761.052.127	705.245.395
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	-	1.238.318.766
Công ty Điện lực Kiên Giang	-	100.374.378
Công ty Thủy điện Trị An	497.399.430	-
Công ty CP Thủy điện Thác Bà	647.761.400	-
Công ty Thủy điện Đồng Nai	473.290.785	-
Ban QLDA ĐL Miền Nam	2.357.844.264	-
Ban QLDA Điện lực Miền Bắc	46.737.034	-
Công ty Lưới điện Hà Nội	514.078.835	-
Công ty Lưới điện Cao thế TP. Hồ Chí Minh	67.847.719	-
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Bắc	60.524.303	-
BanQLDA Nhiệt điện 3	12.530.603.847	-
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	60.218.240.417	-
Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	546.203.772	-
Ban QLDA TTĐL Ô Môn	1.584.000	-
Tổng công ty Phát điện 2	1.269.899.610	-
Tổng công ty Phát điện 3	354.515.004	-
Tổng	143.178.166.790	62.295.586.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

38. CÁC THÔNG TIN KHÁC

38.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Người mua trả tiền trước		
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	1.579.856.283	128.084.117.294
Tổng Công ty Phát điện 2	154.850.000	808.906.750
Ban QLDA Nhiệt điện 3	3.369.370.246	17.952.489.972
Ban QLDA CTTĐ Miền Nam	1.941.445.423	
Tổng Công ty Phát điện 3	223.693.354	214.693.806
Công ty CP Thủy điện Hòa Bình	60.000.000	
Công ty Thủy điện Trị An	40.000.000	40.000.000
Công ty Thủy điện Sơn La	268.175.000	268.175.000
BQLDA Thủy điện Sông Bung 2		631.460.250
Điện lực Bình Dương	2.989.763	2.989.763
XNKS Thủy điện 2 - Công ty CP Tư vấn XD điện	400.000.000	
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	4.180.144.199	2.631.057.052
Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	87.366.666	651.989.684
Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình	655.485.035	655.485.035
Ban QLDA TTĐL Ô Môn	655.640.750	-
Ban QLDA Thủy điện 5	232.769.447	-
Công ty Thủy điện An Khê - KaNak	124.000.000	-
Công ty Thủy điện Thác Bà	90.962.109	-
Công ty CP Thủy điện A Vương	49.349.337	-
Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	1.499.568.776	-
Công ty Truyền tải Điện 4	100	-
Công ty Truyền tải Điện 2	265.440.040	-
Công ty Lưới điện Cao thế TP.HCM	1.092.050.392	-
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	500.000.000	-
Cộng	17.473.156.920	151.941.364.606
	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Phải trả người bán		
Khách sạn điện lực	27.057.500	25.402.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	159.636.354	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	55.950.580	55.950.580
Cộng	242.644.434	81.352.580
	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Trả trước người bán		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	2.131.982.790	1.572.346.436
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	762.712.795	-
Cộng	2.894.695.585	1.572.346.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

38.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu với bên có liên quan		
Ban QLDA Thủy điện 5	1.824.423.961	1.847.002.673
Ban QLDA Thủy điện 6	1.967.517.954	6.225.866.554
Ban QLDA Nhiệt điện 3	51.171.329.203	51.811.195.720
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	68.423.052.939	100.579.746.884
Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	10.189.428.364	82.971.645
Ban QLDA TTĐL Ô Môn	-	125.682.195
Ban QLDA CCTĐ Miền Bắc	9.733.229.779	4.218.823.652
Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	12.733.842.077	4.169.607.755
Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	43.182.546.091	42.563.650.215
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	8.868.281.354	2.024.130.604
Ban QLDA Lưới điện TP. HCM	4.935.479.378	6.001.768.640
Công ty CP Thủy điện A Vương	-	(365.577.667)
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.304.067.967	1.125.744.333
Công ty Thủy điện Đại Ninh	361.855.563	1.596.077.138
Công ty Thủy điện Đồng Nai	1.164.382.681	2.739.007.962
Công ty Thủy điện Hòa Bình	290.957.177	438.263.066
Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bàn Chát	1.110.600.000	2.477.087.310
Công ty CP Thủy điện Thác Bà	588.874.000	987.916.706
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	-	565.677.950
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	4.406.483.481	25.884.232.646
Công ty CP Thủy điện Sơn La	-	2.560.984.545
Công ty CP Thủy điện Trị An	1.561.816.455	144.997.400
Công ty Truyền tải Điện 1	269.799.130	874.425.791
Công ty Truyền tải Điện 2	1.578.586.483	1.769.051.921
Công ty Truyền tải Điện 3	54.680.273	250.150.000
Công ty Truyền tải Điện 4	4.002.768.327	9.665.041.687
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	938.408.679	(18.962.700)
Tổng Công ty Phát điện 1	10.086.273.628	-
Tổng Công ty Phát điện 2	1.154.454.191	-
Tổng Công ty Phát điện 3	680.527.676	1.884.794.278
Công ty Điện lực Kiên Giang	527.557.321	3.099.528.567
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	2.224.466.800	-
Ban QLDA Lưới điện	42.488.213	-
Ban QLDA Lưới điện Hà Nội	1.842.272.200	-
Ban QLDA đưa điện lưới ra đảo Cô Tô	50.733.392	-
Công ty Thủy điện An Khê - KaNak	2.570.197.431	-
Công ty Thủy điện Quảng Trị	1.312.555.962	-
Công ty Lưới điện cao thế Miền Bắc	302.623.303	-
Công ty Lưới điện cao thế TP HCM	1.538.173.622	-
Công ty CP Thủy điện Miền Trung	104.951.400	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	311.611.864.069	-
Cộng	565.711.550.524	275.328.887.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***38.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

38.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty thuê nhà tại số 32, Ngô Thời Nhiệm để xây dựng Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 32 Ngô Thời Nhiệm, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Hợp đồng thuê nhà số 337/HĐTĐ-KD với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh. Theo phụ lục hợp đồng số 312/ĐC-HĐTĐ, thời hạn thuê được gia hạn 3 năm, từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2016.

38.4 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH**39.1 TRÌNH BÀY LẠI DO THAY ĐỔI CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại phù hợp Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay. Chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 01/01/2015 theo Thông tư 200/2014	Tại ngày 31/12/2014 theo Quyết định 15/2006	Chênh lệch Tăng(+)/ Giảm(-)
Bảng Cân đối Kế toán				
Tài sản				
Phải thu ngắn hạn khác	131	139.503.685.349	132.921.816.901	(6.581.868.448)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	46.309.530.940	43.628.381.760	(2.681.149.180)
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.349.786.406	3.761.672.035	(588.114.371)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.587.178	-	(4.587.178)
Tài sản ngắn hạn khác	150	686.761.743	1.189.645.902	502.884.159
Phải thu dài hạn khác	216	179.000.000	-	(179.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260	2.036.268.248	2.305.085.638	268.817.390
Nguồn vốn				
Phải trả người bán ngắn hạn	311	34.924.131.557	32.554.444.718	(2.369.686.839)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	218.176.598.283	218.423.628.497	247.030.214
Phải trả người bán dài hạn	331	7.331.879	-	(7.331.879)
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	7.133.029.124	-	(7.133.029.124)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23.863.967.727	19.424.967.727	(4.439.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	4.439.000.000	4.439.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

39.2 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Tháng 4/2015, Công ty đã điều chỉnh giảm chi phí lương năm 2014 căn cứ vào Quyết định phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 với số tiền là 16.878.296.136 đồng. Đồng thời, Công ty đã điều chỉnh tăng thuế Thu nhập doanh nghiệp tương ứng với số tiền là 3.713.225.150 đồng. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được điều chỉnh hồi tố như sau:

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Số trình bày lại tại 01/01/2015	Số trên Báo cáo Kiểm toán tại 31/12/2014	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
NGUỒN VỐN				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	30.883.790.490	27.170.565.340	3.713.225.150
Phải trả người lao động	314	89.471.583.501	106.349.879.637	(16.878.296.136)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	49.352.306.152	36.187.235.166	13.165.070.986


CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Chỉ tiêu	Mã số	Số trình bày lại năm 2014	Số trên Báo cáo Kiểm toán năm 2014	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39.992.192.294	56.870.488.430	(16.878.296.136)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14.048.296.093	10.335.070.943	3.713.225.150
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	49.352.306.152	36.187.235.166	13.165.070.986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	10.318	8.227	2.091

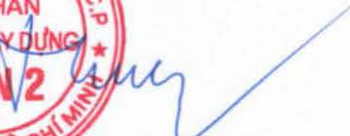
CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	Số trình bày lại năm 2014	Số trên Báo cáo Kiểm toán năm 2014	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
Lợi nhuận trước thuế	01	63.004.256.217	46.125.960.081	16.878.296.136
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	140.313.763.192	157.192.059.328	(16.878.296.136)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2016


Hoàng Thụy Hoài Yên
Người lập biểu


Bùi Thị Ngọc Lý
Trưởng phòng TCKT


Nguyễn Chơn Hùng
Tổng Giám đốc

